

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 37 PHẢI NỘP HỌC PHÍ

Học kỳ I năm học 2015-2016

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1	370101	Phan Thị Mai	Phương	3701	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
2	370102	Nguyễn Khắc	Hải	3701	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
3	370103	Nông Sầm Thanh	Tâm	3701	BT	15	3	0	2,400,000	480,000	0	2,880,000
4	370104	Bùi Thị Thanh	Huyền	3701	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
5	370105	Phạm Thị	Ly	3701	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
6	370106	Phan Thị Hoàng	Yến	3701	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
7	370107	Ngọc Thị Thuỳ	Trang	3701	MHP	19	0	0	0	0	0	0
8	370108	Đỗ Phương	Thảo	3701	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
9	370109	Lý Mai	Hoa	3701	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
10	370110	Hoàng Thị Châu	Loan	3701	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
11	370111	Hoàng Văn	Lai	3701	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
12	370112	Nguyễn Văn	Linh	3701	BT	14	3	0	2,240,000	480,000	0	2,720,000
13	370113	Cao Thu	Hương	3701	MHP	16	3	0	0	480,000	0	480,000
14	370114	Nguyễn Văn	Phát	3701	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
15	370115	Lê Thị	Thảo	3701	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
16	370116	Vương Thu	Hạnh	3701	CT	19	0	0	0	0	0	0
17	370117	Nịnh Thị	Vương	3701	CT	19	0	0	0	0	0	0
18	370118	Nguyễn Thị	Thuý	3701	CT	19	0	0	0	0	0	0
19	370120	Hạng A	Ly	3701	CT	20	0	0	0	0	0	0
20	370121	Hứa Thị	Yến	3701	CT	20	0	0	0	0	0	0
21	370122	Cứ A	Dơ	3701	CT	17	0	0	0	0	0	0
22	370123	Bùi Mỹ	Linh	3701	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
23	370124	Hứa Thị	Hường	3701	CT	17	0	0	0	0	0	0
24	370125	Lê Hải	Yến	3701	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
25	370126	Lý Nguyễn Thu	Thùy	3701	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
26	370127	Bùi Quỳnh	Anh	3701	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
27	370128	Hoàng Thị	Chúc	3701	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
28	370129	Trần Quốc	Tuấn	3701	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
29	370130	Đỗ Tuấn	Anh	3701	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
30	370131	Đàm Thị	Dung	3701	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
31	370132	Mai Hoàng	Hải	3701	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
32	370133	Lê Thành	Đông	3701	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
33	370134	Dương Thị Thanh	Xuân	3701	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
34	370135	Lê Thị	Thúy	3701	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
35	370136	Lê Ngọc	Anh	3701	GHP	18	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
36	370137	Nguyễn Phúc	Khánh	3701	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
37	370138	Đỗ Ngọc	Ly	3701	BT	8	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
38	370139	Vy Thị	Thu	3701	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
39	370140	Hà Thị	Bích	3701	MHP	17	5	0	0	800,000	0	800,000
40	370141	Khuất Cao	Minh	3701	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
41	370142	Lục Trường	Anh	3701	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
42	370143	Lê Hồng Dạ	Thương	3701	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
43	370144	Hoàng Thùy	Trang	3701	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
44	370145	Nguyễn Lý Việt	Hà	3701	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
45	370146	Hoàng Tuấn	Anh	3701	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
46	370147	Giản Thị Hạ	Huyền	3701	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
47	370148	La Thị Việt	Trình	3701	MHP	19	0	0	0	0	0	0
48	370149	Lê Thị Tường	Vi	3701	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
49	370150	Cù Thu	Trang	3701	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
50	370151	Nguyễn Văn	Đặng	3701	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
51	370152	Lê Thị Thanh	Nga	3701	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
52	370153	Nguyễn Thị Thanh	Lan	3701	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
53	370154	Bùi Thị Phương	Mai	3701	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
54	370155	Phạm Thị	Nguyệt	3701	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
55	370156	Nguyễn Thị	Thủy	3701	BT	18	2	0	2,880,000	320,000	0	3,200,000
56	370157	Đỗ Thành	Công	3701	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
57	370158	Vũ Văn	Bắc	3701	BT	18	3	0	2,880,000	480,000	0	3,360,000
58	370159	Đinh Thị	Nguyên	3701	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
59	370160	Nguyễn Xuân	Phương	3701	MHP	16	0	0	0	0	0	0
60	370161	Trịnh Thị	Trình	3701	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
61	370162	Phan Thị	Trang	3701	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
62	370163	Nguyễn Thị Hoài	Thương	3701	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
63	370164	Phạm Thị	Sinh	3701	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
64	370165	Trịnh Thị	Lợi	3701	MHP	20	0	0	0	0	0	0
65	370166	Tường Thị	Lan	3701	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
66	370167	Phan Thị	Quyên	3701	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
67	370168	Nguyễn Thị Hồng	Thơm	3701	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
68	370169	Vũ Thùy	Linh	3701	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
69	370170	Mai Mỹ	Linh	3701	MHP	17	0	0	0	0	0	0
70	370171	Nghiêm Tuấn	Hoàng	3701	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
71	370172	Lê Quỳnh	Anh	3701	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
72	370173	Nguyễn Thị Thu	Hường	3701	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
73	370174	Nguyễn Chí	Anh	3701	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
74	370175	Lê Tùng	Anh	3701	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
75	370176	Phạm Thị Thu	Hà	3701	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
76	370177	Huỳnh Phương	Minh	3701	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
77	370188	Vongsengdeuane	Phaysith	3701	LAOHD	18	0	0	0	0	0	0
78	370201	Lâm Thị Trâm	Anh	3702	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
79	370202	Đinh Thị Uyên	3702	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
80	370203	Hoàng Thị Minh Nguyệt	3702	BT	24	0	0	3,840,000	0	0	3,840,000
81	370204	Lương Thị Lan	3702	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
82	370205	Dương Thị Lê	3702	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
83	370206	Lục Thị Lý	3702	MHP	19	0	0	0	0	0	0
84	370207	Nguyễn Thị Lan	3702	MHP	21	0	0	0	0	0	0
85	370208	Trần Thị Kim Vui	3702	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
86	370209	Trần Thị Phương Thảo	3702	BT	14	6	0	2,240,000	960,000	0	3,200,000
87	370210	Mạc Thị Dung	3702	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
88	370211	Nguyễn Thị Phương Thoa	3702	BT	22	4	0	3,520,000	640,000	0	4,160,000
89	370212	Văn Đoàn Vân Anh	3702	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
90	370213	Phạm Thị Thúy	3702	MHP	15	0	0	0	0	0	0
91	370214	Nguyễn Thị Mai	3702	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
92	370215	Nguyễn Văn Hùng	3702	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
93	370216	Đinh Thị Thành	3702	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
94	370217	Tao Văn Dọt	3702	CT	22	0	0	0	0	0	0
95	370218	Bùi Thị Mai	3702	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
96	370220	Nguyễn Thị Trâm	3702	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
97	370221	Nguyễn Thị Thu Thảo	3702	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
98	370223	Linh Thị Hoàn	3702	CT	16	0	0	0	0	0	0
99	370224	Thào A Lầu	3702	CT	16	3	0	0	480,000	0	480,000
100	370225	Vì Thị Hương	3702	MHP	17	0	0	0	0	0	0
101	370226	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	3702	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
102	370227	Nguyễn Thuỳ Dương	3702	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
103	370228	Nguyễn Thị Ngọc ánh	3702	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
104	370229	Dương Thị Hồng Diệp	3702	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
105	370230	Lương Thị Anh Thư	3702	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
106	370231	Hứa Thị Lâm	3702	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
107	370232	Hoàng Nghĩa Trung	3702	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
108	370233	Đặng Quang Anh	3702	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
109	370234	Trần Thị Mỹ Duyên	3702	BT	8	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
110	370235	Nguyễn Thị Phương Thảo	3702	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
111	370236	Nguyễn Thị Thuý Hồng	3702	MHP	18	0	0	0	0	0	0
112	370237	Nguyễn Thảo Vân	3702	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
113	370238	Nguyễn Thị Kim Dung	3702	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
114	370239	Bê Văn Nam	3702	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
115	370240	Vũ Tú Linh	3702	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
116	370241	Đỗ Thanh Hà	3702	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
117	370242	Nông Ngọc Lan	3702	BT	20	3	0	3,200,000	480,000	0	3,680,000
118	370243	Triệu Thị Thảo	3702	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
119	370244	Lâm Thị Hồng Loan	3702	MHP	18	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
120	370245	Bàn Thị Việt	Hương	3702	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
121	370246	Lê Thị Bích	Phượng	3702	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
122	370247	Lương Thị	Uyên	3702	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
123	370248	Lộc Thế	Anh	3702	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
124	370249	Đào Thị	Thùy	3702	BT	19	0	2	3,040,000	0	320,000	3,360,000
125	370250	Nguyễn Mạnh	Tùng	3702	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
126	370251	Kiều Thị Thu	Hằng	3702	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
127	370252	Nguyễn Thị Mai	Hiền	3702	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
128	370253	Trịnh Minh	Duyên	3702	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
129	370254	Trịnh Thị	Hậu	3702	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
130	370255	Nguyễn Hồng	Nga	3702	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
131	370256	Nguyễn Thị	Nụ	3702	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
132	370257	Mai Duy	Minh	3702	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
133	370258	Nguyễn Văn	Nam	3702	BT	17	3	0	2,720,000	480,000	0	3,200,000
134	370259	Nguyễn Thị Minh	Thúy	3702	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
135	370260	Mai Diệu	Linh	3702	BT	17	3	0	2,720,000	480,000	0	3,200,000
136	370261	Nguyễn Việt	Trinh	3702	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
137	370262	Nguyễn Thị	Thùy	3702	MHP	20	0	0	0	0	0	0
138	370263	Phạm Quang	Thảo	3702	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
139	370264	Trần Văn	Thủ	3702	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
140	370265	Nguyễn Thị	Hiền	3702	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
141	370266	Nguyễn Thị Thu	Hà	3702	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
142	370267	Phạm Thị Lan	Anh	3702	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
143	370268	Nguyễn Thị	Thương	3702	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
144	370269	Trần Kiều	Linh	3702	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
145	370270	Vũ Quang	Huy	3702	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
146	370271	Bùi Quang	Huy	3702	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
147	370272	Trần ánh	Ngọc	3702	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
148	370273	Đỗ Mỹ	Linh	3702	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
149	370274	Hoàng Bích	Hồng	3702	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
150	370275	Nguyễn Hải	Anh	3702	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
151	370276	Lý Thị	Dung	3702	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
152	370277	Nguyễn Ngọc	Hà	3702	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
153	370301	Hoàng Đắc	Thắng	3703	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
154	370302	Bùi Hồng	Quân	3703	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
155	370303	Nguyễn Thị Thu	Hà	3703	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
156	370304	Đinh Việt	Thái	3703	BT	19	3	0	3,040,000	480,000	0	3,520,000
157	370305	Dương Thị	Quyên	3703	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
158	370306	Chúc Thị Khánh	Linh	3703	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
159	370307	Bùi Nguyễn ánh	Tuyết	3703	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
160	370308	Ma Kim	Thúy	3703	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
161	370309	Lê Tuấn	Anh	3703	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
162	370310	Triệu Minh	Thu	3703	MHP	14	0	0	0	0	0	0
163	370311	Vì Quang	Huy	3703	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
164	370312	Nguyễn Thị Thuý	Mỹ	3703	MHP	17	0	0	0	0	0	0
165	370313	Phùng Thị	Thương	3703	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
166	370314	Trần Thị	Nhân	3703	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
167	370315	Bùi Thị	Thúy	3703	MHP	23	0	0	0	0	0	0
168	370316	Bùi Thị	Hồng	3703	MHP	17	0	0	0	0	0	0
169	370317	Trần Thị Hải	Phương	3703	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
170	370318	Mông Phương	Chi	3703	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
171	370319	Phạm Thị	Phương	3703	MHP	18	0	0	0	0	0	0
172	370320	Hoàng Thị	Nụ	3703	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
173	370321	Phan Thanh	Mai	3703	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
174	370322	Bế Thanh	Thúy	3703	CT	22	0	0	0	0	0	0
175	370323	Âu Thị	Diệp	3703	CT	20	0	0	0	0	0	0
176	370324	Nguyễn Thị	Lan	3703	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
177	370325	Phạm Thuý	Linh	3703	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
178	370326	Nguyễn Việt	Hà	3703	BT	8	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
179	370327	Nguyễn Minh	Liên	3703	MHP	12	0	0	0	0	0	0
180	370328	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	3703	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
181	370329	Đỗ Thị Ngọc	ánh	3703	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
182	370330	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	3703	MHP	15	1	0	0	160,000	0	160,000
183	370331	Nguyễn Thị	Thu	3703	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
184	370332	Nguyễn Thanh	Hằng	3703	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
185	370333	Trịnh Khánh	Linh	3703	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
186	370334	Cao Thị	Hà	3703	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
187	370335	Nguyễn Thị	Đào	3703	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
188	370336	Ngô Thị Như	Nguyễn	3703	BT	19	3	0	3,040,000	480,000	0	3,520,000
189	370337	Đàm Thị	Trang	3703	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
190	370338	Phương Hoàng Đức	Công	3703	BT	17	5	0	2,720,000	800,000	0	3,520,000
191	370339	Phan Hải	Yến	3703	BT	8	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
192	370340	Vũ Thị Thanh	Hiền	3703	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
193	370341	Phan Thị Thùy	Dương	3703	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
194	370342	Vì Thị Thuý	Dung	3703	MHP	18	0	0	0	0	0	0
195	370343	Nguyễn Khánh	Linh	3703	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
196	370344	Nguyễn Thị Khánh	Linh	3703	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
197	370345	Nguyễn	Khánh	3703	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
198	370346	Vũ Thuý	Nhung	3703	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
199	370347	Trần Thị Hồng	Minh	3703	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
200	370348	Phạm Thị	Liên	3703	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
201	370349	Nguyễn Thị	Chúc	3703	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
202	370350	Bùi Thị	Huyền	3703	GHP	16	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
203	370351	Trung Thị Quỳnh	Anh	3703	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
204	370352	Nguyễn Thị	Thương	3703	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
205	370353	Lê Thu	Hà	3703	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
206	370354	Nguyễn Thị	Hưởng	3703	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
207	370355	Nguyễn Thị	Giang	3703	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
208	370356	Nguyễn Thị	Ninh	3703	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
209	370357	Nguyễn Hồng	Sơn	3703	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
210	370358	Nguyễn Thị Thu	Hằng	3703	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
211	370359	Nguyễn Thị	Anh	3703	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
212	370360	Đỗ Thị	Chiến	3703	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
213	370361	Nguyễn Thị	Phượng	3703	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
214	370362	Nguyễn Thị	Nga	3703	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
215	370363	Vũ Văn	Chinh	3703	BT	10	9	0	1,600,000	1,440,000	0	3,040,000
216	370364	Nguyễn Thị	Chung	3703	MHP	16	0	0	0	0	0	0
217	370365	Lưu Thị Thanh	Loan	3703	MHP	19	0	0	0	0	0	0
218	370366	Trần Thị Thu	Huyền	3703	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
219	370367	Nguyễn Thị Hoài	Duyên	3703	BT	19	1	0	3,040,000	160,000	0	3,200,000
220	370368	Nguyễn Văn	Tuyền	3703	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
221	370369	Nguyễn Thị	Lan	3703	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
222	370370	Hoàng Phương	Thảo	3703	BT	16	3	0	2,560,000	480,000	0	3,040,000
223	370371	Nguyễn Trường	Giang	3703	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
224	370372	Lưu Ngọc	ánh	3703	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
225	370373	Nguyễn Thanh	Thúy	3703	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
226	370374	Lương Thị	Tin	3703	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
227	370375	Nguyễn Phú	Trí	3703	BT	0	0	0	0	0	0	0
228	370376	Nguyễn Thị Châu	Giang	3703	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
229	370377	Nguyễn Thiều	Quang	3703	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
230	370401	Chu Thị	Thủy	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
231	370402	Trần Ngọc	Thạch	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
232	370403	Lại Thị Hải	Yến	3704	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
233	370404	Dương Thiên	Lý	3704	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
234	370405	Nguyễn Mỹ Kiều	Linh	3704	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
235	370406	Trương Cẩm	Hà	3704	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
236	370407	Hà Thị Thu	Thủy	3704	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
237	370408	Nông Thị	Hằng	3704	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
238	370409	Đinh Thị Khánh	Huyền	3704	BT	13	7	0	2,080,000	1,120,000	0	3,200,000
239	370410	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	3704	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
240	370411	Nguyễn Văn	Kết	3704	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
241	370412	Nguyễn Thị	Quyên	3704	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
242	370414	Đinh Trần Thanh	Xuân	3704	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
243	370415	Phùng Thị Quỳnh	Mai	3704	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
244	370416	Là Thị	Lanh	3704	CT	21	0	0	0	0	0	0
245	370417	Trần Quốc	Hoàn	3704	BT	11	5	0	1,760,000	800,000	0	2,560,000
246	370418	Lý Thị	Hạnh	3704	CT	20	0	0	0	0	0	0
247	370419	Bùi Hoài	Thu	3704	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
248	370420	Hoàng Thị Như	Hoa	3704	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
249	370421	Kút Thị Ngọc	Anh	3704	CT	15	9	0	0	1,440,000	0	1,440,000
250	370422	Ninh Thị	Liên	3704	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
251	370423	Hoàng Phương	Thảo	3704	BT	0	0	0	0	0	0	0
252	370424	Bùi Thị Hồng	Yến	3704	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
253	370425	Vì Thị	Lan	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
254	370426	Trần Thị Phương	Linh	3704	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
255	370427	Mai Thanh	Tùng	3704	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
256	370428	Phạm Phương	Linh	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
257	370429	Hoàng Thị Hồng	Nhung	3704	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
258	370430	Nguyễn Thị Hồng	Vân	3704	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
259	370431	Trần Thị Kim	Dung	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
260	370432	Nguyễn Anh	Thư	3704	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
261	370433	Vũ Thị	Huế	3704	MHP	19	0	0	0	0	0	0
262	370434	Vũ Thị Cẩm	Nhung	3704	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
263	370435	Bùi Thị	Thủy	3704	BT	6	0	0	960,000	0	0	960,000
264	370436	Đỗ Hồng	Nhung	3704	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
265	370437	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
266	370438	Phạm Ngọc	Mai	3704	BT	8	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
267	370439	Nguyễn Thị Lan	Hương	3704	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
268	370440	Trần Thị Thu	Hà	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
269	370441	Bùi Thị	Hương	3704	MHP	20	0	0	0	0	0	0
270	370442	Lý Huy	Hoàng	3704	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
271	370443	Đặng Thị Thùy	Linh	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
272	370444	Nguyễn Thị	Yến	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
273	370445	Lưu Thị	Nga	3704	BT	14	3	0	2,240,000	480,000	0	2,720,000
274	370446	Bùi Thúy	Quỳnh	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
275	370447	Chu Thị	Duyên	3704	MHP	19	0	0	0	0	0	0
276	370448	Nguyễn Thị Lê	Thu	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
277	370449	Nguyễn Thị	Phượng	3704	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
278	370450	Trịnh Thị Hồng	Liên	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
279	370451	Doãn Khánh	Ly	3704	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
280	370452	Phùng Thị	Tĩnh	3704	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
281	370453	Bùi Thanh	Hằng	3704	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
282	370454	Nguyễn Hoàng	Thắng	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
283	370455	Phạm Thị	Thu	3704	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
284	370456	Bùi Thanh	Trà	3704	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
285	370457	Nguyễn Thuỳ	Linh	3704	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
286	370458	Bùi Thị Minh	Ngọc	3704	BT	17	0	4	2,720,000	0	640,000	3,360,000
287	370459	Phạm Thị Thu	Hà	3704	BT	18	0	4	2,880,000	0	640,000	3,520,000
288	370460	Lê Thị	Trang	3704	BT	15	3	0	2,400,000	480,000	0	2,880,000
289	370461	Lưu Thị Ngọc	ánh	3704	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
290	370462	Lại Văn	Hùng	3704	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
291	370463	Lại Thị	Nhung	3704	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
292	370464	Nguyễn Thị	Lan	3704	BT	17	3	0	2,720,000	480,000	0	3,200,000
293	370465	Lê Thị	Hậu	3704	MHP	20	0	0	0	0	0	0
294	370466	Dương Thị Hồng	Nhung	3704	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
295	370467	Hoàng Thị	Giang	3704	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
296	370468	Nguyễn Thị Mai	Linh	3704	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
297	370469	Ngô Trí	Thắng	3704	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
298	370470	Lương Minh	Hằng	3704	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
299	370471	Vũ Phùng Khánh	Hường	3704	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
300	370472	Nguyễn Tuấn	Ngọc	3704	BT	18	0	5	2,880,000	0	800,000	3,680,000
301	370473	Vũ Hồng	Loan	3704	BT	18	0	5	2,880,000	0	800,000	3,680,000
302	370474	Nguyễn Thị	Hường	3704	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
303	370475	Vũ ánh	Ngọc	3704	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
304	370476	Đặng Thuỳ	Dương	3704	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
305	370477	Trần Thị Thu	Thuỳ	3704	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
306	370478	Phạm Ngọc	Huyền	3704	BT	5	0	0	800,000	0	0	800,000
307	370501	La Thị	Vân	3705	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
308	370502	Ninh Thị	Hà	3705	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
309	370503	Nguyễn Văn	Hoàng	3705	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
310	370504	Nguyễn Thị	Mai	3705	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
311	370505	Nguyễn Thị	Thủy	3705	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
312	370506	Nông Lan	Phương	3705	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
313	370507	Hoàng Hà Lê	Chi	3705	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
314	370508	Đàm Thị Hồng	Vân	3705	BT	17	4	0	2,720,000	640,000	0	3,360,000
315	370509	Nguyễn Hoàng	Quân	3705	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
316	370510	Bế Thanh	Tùng	3705	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
317	370511	Nguyễn Thu	Trà	3705	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
318	370512	Trần Thị Hồng	Nhung	3705	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
319	370513	Luân Kim	Cương	3705	BT	15	5	0	2,400,000	800,000	0	3,200,000
320	370514	Nguyễn Thị	Thủy	3705	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
321	370515	Đào Phương	Quỳnh	3705	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
322	370516	Tráng Thị	Diện	3705	CT	20	0	0	0	0	0	0
323	370517	Nguyễn Văn	Trung	3705	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
324	370518	Khuất Thị Thương	Thương	3705	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
325	370519	Phạm Thị Hoa	3705	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
326	370520	Vũ Thị Mơ	3705	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
327	370521	Nguyễn Thị Thu	3705	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
328	370522	Lường Thị Nhân	3705	CT	0	0	0	0	0	0	0
329	370523	Phạm Thị Thúy	3705	BT	0	0	0	0	0	0	0
330	370524	Dương Thị Hồng	3705	CT	20	0	0	0	0	0	0
331	370525	Ninh Thị Phương	3705	BT	13	4	0	2,080,000	640,000	0	2,720,000
332	370526	Lê Trung	3705	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
333	370527	Triệu Nguyệt	3705	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
334	370528	Nguyễn Hà Phương	3705	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
335	370529	Đinh Thị Dung	3705	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
336	370530	Lê Hải	3705	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
337	370531	Nguyễn Thị Xuân	3705	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
338	370532	Nguyễn Phương	3705	BT	8	0	5	1,280,000	0	800,000	2,080,000
339	370533	Phạm Văn Đạt	3705	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
340	370534	Bùi Thị Thu	3705	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
341	370535	Phan Việt	3705	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
342	370536	Nguyễn Phương	3705	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
343	370537	Nguyễn Thùy	3705	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
344	370538	Nguyễn Văn	3705	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
345	370539	Hoàng Phương	3705	BT	13	3	8	2,080,000	480,000	1,280,000	3,840,000
346	370540	Bùi Thị Bích	3705	MHP	2	23	0	0	3,680,000	0	3,680,000
347	370541	Nguyễn Thị Phương	3705	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
348	370542	Trần Tuyên	3705	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
349	370543	Lê Thị Mến	3705	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
350	370544	Bùi Thị Thu Hà	3705	MHP	15	3	0	0	480,000	0	480,000
351	370545	Ngô Thị Thanh	3705	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
352	370546	Lù Thị Tuyết	3705	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
353	370547	Trần Thị Thanh	3705	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
354	370548	Nguyễn Thu	3705	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
355	370549	Nguyễn Thị Thu	3705	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
356	370550	Nguyễn Thị Nhung	3705	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
357	370551	Đỗ Thị Thanh	3705	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
358	370552	Nguyễn Thị Hoài	3705	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
359	370553	Phan Thị Lệ	3705	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
360	370554	Tôn Thị Liên	3705	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
361	370555	Đào Nguyễn Hồng	3705	BT	8	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
362	370556	Nguyễn Văn Trường	3705	BT	6	6	0	960,000	960,000	0	1,920,000
363	370557	Bùi Hoàng Thủy	3705	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
364	370558	Nguyễn Thị Kiều	3705	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
365	370559	Giang Lê Đại	3705	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
366	370560	Lê Thị	Linh	3705	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
367	370561	Hoàng Thị	Phương	3705	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
368	370562	Phan Thị	Phương	3705	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
369	370563	Phạm Thị	Hằng	3705	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
370	370564	Nguyễn Thị Hà	Phương	3705	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
371	370565	Trần Thị Thu	Hà	3705	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
372	370566	Lê Thị Diệu	Linh	3705	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
373	370567	Lê Thị	Trang	3705	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
374	370568	Đậu Thị	Giang	3705	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
375	370569	Chu Huyền	Trang	3705	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
376	370570	Nguyễn Huyền	Trang	3705	MHP	18	0	0	0	0	0	0
377	370571	Nguyễn Hoàng	Dương	3705	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
378	370572	Đặng Huyền	Trang	3705	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
379	370573	Chu Thị	Luyến	3705	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
380	370574	Nguyễn Diệu	Linh	3705	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
381	370575	Hoàng Thu	Hương	3705	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
382	370576	Đỗ Thành	Hung	3705	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
383	370577	Phạm Bảo	Ngọc	3705	MHP	19	0	0	0	0	0	0
384	370601	Hoàng Hương	Giang	3706	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
385	370602	Lường Mỹ	Hà	3706	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
386	370603	Bùi Thị	Ngọc	3706	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
387	370604	Vũ Quỳnh	Trang	3706	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
388	370605	Vũ Thảo	Anh	3706	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
389	370606	Nông Thị Kiều	Nương	3706	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
390	370607	Lường Văn	Thích	3706	MHP	21	0	0	0	0	0	0
391	370608	Trần Ngọc	Linh	3706	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
392	370609	Hoàng Thị	Trưởng	3706	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
393	370610	Vũ Ngọc	Minh	3706	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
394	370611	Bùi Ngọc	Hà	3706	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
395	370612	Nguyễn Văn	Anh	3706	BT	8	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
396	370613	Võ Đăng	Khoa	3706	BT	17	3	0	2,720,000	480,000	0	3,200,000
397	370614	Triệu Đàm	Tùng	3706	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
398	370615	Hoàng Thu	Trang	3706	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
399	370616	Lo Văn	Dương	3706	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
400	370617	Nguyễn Đức	Long	3706	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
401	370618	Vì Thị	Nguyên	3706	CT	19	0	0	0	0	0	0
402	370619	Ngô Thị Thu	Trang	3706	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
403	370620	Nguyễn Thị Lan	Phương	3706	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
404	370621	Lò Thị	Thu	3706	CT	15	0	0	0	0	0	0
405	370622	Trần Xuân	Hòa	3706	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
406	370623	Lê Thị ánh	Hồng	3706	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
407	370624	Phan Thị	Dũng	3706	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
408	370625	Nghiêm Quang	Trường	3706	MHP	22	0	0	0	0	0	0
409	370626	Vũ Thị Hồng	Nhật	3706	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
410	370627	Nguyễn Quyết	Thắng	3706	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
411	370628	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	3706	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
412	370629	Trần Thị	Thảo	3706	BT	17	0	3	2,720,000	0	480,000	3,200,000
413	370630	Phạm Thị	Huyền	3706	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
414	370631	Hoàng Thương	Hà	3706	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
415	370632	Mạnh Thị Khánh	Chi	3706	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
416	370633	Phạm Thanh	Thùy	3706	MHP	4	0	0	0	0	0	0
417	370634	Cung Ngọc	Hân	3706	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
418	370635	Lê Việt	Hoà	3706	BT	21	2	0	3,360,000	320,000	0	3,680,000
419	370636	Cù Thị Thu	Huyền	3706	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
420	370637	Hoàng Thị Hà	Linh	3706	MHP	18	0	0	0	0	0	0
421	370638	Ngô Thị Vân	Anh	3706	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
422	370639	Nguyễn Thị	Trang	3706	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
423	370640	Hoàng Thị	Hiền	3706	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
424	370641	Đặng Thị Quỳnh	Trang	3706	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
425	370642	Lương Thị	Yến	3706	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
426	370643	Sầm Thị	Huyền	3706	MHP	17	0	0	0	0	0	0
427	370644	Trần Thị	Hương	3706	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
428	370645	Hoàng Thị	Hải	3706	MHP	15	0	6	0	0	960,000	960,000
429	370646	Vũ Hương	Quỳnh	3706	BT	20	0	4	3,200,000	0	640,000	3,840,000
430	370647	Nguyễn Ngọc	Hà	3706	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
431	370648	Vũ Thị Thanh	Tâm	3706	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
432	370649	Lê Thị Thu	Mai	3706	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
433	370650	Đỗ Thị Thu	Hiền	3706	BT	16	0	4	2,560,000	0	640,000	3,200,000
434	370651	Nguyễn Thị Kim	Anh	3706	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
435	370652	Nguyễn Thị	Hằng	3706	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
436	370653	Hoàng Thị	Thúy	3706	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
437	370654	Trần Thị Thanh	Hải	3706	BT	7	0	0	1,120,000	0	0	1,120,000
438	370655	Ngô Thị Thảo	Phương	3706	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
439	370656	Nguyễn Ngọc	ánh	3706	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
440	370657	Nguyễn Phương	Thảo	3706	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
441	370658	Lê Văn	Lợi	3706	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
442	370659	Nguyễn Văn	Vinh	3706	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
443	370660	Nguyễn Thị Lan	Anh	3706	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
444	370661	Vũ Thị	Quyên	3706	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
445	370662	Trần Thị	Liên	3706	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
446	370663	Bùi Đức	Diễm	3706	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
447	370664	Nguyễn Thị Thanh	Dung	3706	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
448	370665	Nguyễn Thị Trang	3706	BT	0	0	0	0	0	0	0
449	370666	Trần Thị Hiên	3706	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
450	370667	Phạm Thị Mỹ Duyên	3706	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
451	370668	Đỗ Thị Lan Anh	3706	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
452	370669	Phạm Hồng Nhung	3706	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
453	370670	Nguyễn Đức Hưng	3706	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
454	370671	Nguyễn Thùy Dung	3706	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
455	370672	Lê Thanh Tùng	3706	BT	16	3	3	2,560,000	480,000	480,000	3,520,000
456	370673	Bùi Thanh Thuý	3706	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
457	370674	Hoàng Thị Phương Thảo	3706	BT	16	2	0	2,560,000	320,000	0	2,880,000
458	370675	Đoàn Thu Trang	3706	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
459	370676	Vũ Quốc Hùng	3706	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
460	370677	Vì Thị Thu Anh	3706	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
461	370701	Lự Văn Hùng	3707	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
462	370702	Lý Thị Thư	3707	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
463	370703	Dương Bích Diệp	3707	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
464	370704	Hà Thị Huyền	3707	MHP	17	0	0	0	0	0	0
465	370705	Triệu Thị Dung	3707	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
466	370706	Nguyễn Thị Trang	3707	BT	18	0	5	2,880,000	0	800,000	3,680,000
467	370707	Bùi Thị Thùy Linh	3707	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
468	370708	Lê Thị Hoan	3707	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
469	370709	Phạm Thị Huệ	3707	MHP	17	0	0	0	0	0	0
470	370710	Phan Thị Độ	3707	MHP	17	0	0	0	0	0	0
471	370711	Nông Thị Vân Anh	3707	MHP	19	0	0	0	0	0	0
472	370712	Trần Thị Thùy	3707	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
473	370713	Nguyễn Thế Anh	3707	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
474	370714	Phạm Thị Mai	3707	BT	16	3	0	2,560,000	480,000	0	3,040,000
475	370715	Phạm Thị Thu Trang	3707	BT	11	9	0	1,760,000	1,440,000	0	3,200,000
476	370716	Dương Văn Anh	3707	CT	23	0	0	0	0	0	0
477	370717	Vũ Tú Anh	3707	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
478	370718	Hoàng Thị Mi	3707	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
479	370719	Sùng Lành Lưu	3707	CT	18	0	0	0	0	0	0
480	370720	Nguyễn Văn Trình	3707	CT	14	8	0	0	1,280,000	0	1,280,000
481	370721	Hoàng Thị Pi	3707	CT	20	0	0	0	0	0	0
482	370722	Sùng A Su	3707	CT	19	0	0	0	0	0	0
483	370723	Mùa Thị Ly	3707	CT	19	0	0	0	0	0	0
484	370724	Nguyễn Thị Phương Thảo	3707	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
485	370725	Nguyễn Thị Tùng Linh	3707	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
486	370726	Lê Thị Dung	3707	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
487	370727	Đỗ Thị Hương	3707	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
488	370728	Đỗ Thị Ngân Giang	3707	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
489	370729	Trần Minh Tú	3707	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
490	370730	Nguyễn Hoàng Anh	3707	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
491	370731	Vũ Thúy Hà	3707	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
492	370732	Đoàn Thị Huế	3707	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
493	370733	Hoàng Văn Hiến	3707	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
494	370734	Cao Thị Trang	3707	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
495	370735	Nguyễn Chí Trung	3707	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
496	370736	Trần Thị Thủy	3707	MHP	7	0	0	0	0	0	0
497	370737	Hồ A Lang	3707	MHP	20	0	0	0	0	0	0
498	370738	Nguyễn Thị Thư	3707	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
499	370739	Lữ Thị Thương	3707	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
500	370740	Lý Thị Phương	3707	MHP	20	0	0	0	0	0	0
501	370741	Khà Thị Thanh Loan	3707	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
502	370742	Hoàng Hồng Hạnh	3707	BT	0	0	0	0	0	0	0
503	370743	Khổng Thị Phương Thảo	3707	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
504	370744	Nguyễn Thị Lệ Quyên	3707	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
505	370745	Hoàng Hải Yến	3707	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
506	370746	Trần Thị Thùy Trang	3707	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
507	370747	Triệu Tiến Hùng	3707	BT	18	0	3	2,880,000	0	480,000	3,360,000
508	370748	Tạ Thủy Ninh	3707	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
509	370749	Lê Thị Hoài Trang	3707	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
510	370750	Lê Trương Hải	3707	BT	20	4	0	3,200,000	640,000	0	3,840,000
511	370751	Nguyễn Đức Dư	3707	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
512	370752	Nguyễn Thị Lan Anh	3707	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
513	370753	Phạm Văn Huy	3707	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
514	370754	Nguyễn Thị Hương Giang	3707	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
515	370755	Ngô Văn Thành	3707	BT	15	3	0	2,400,000	480,000	0	2,880,000
516	370756	Nguyễn Thị Huế	3707	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
517	370757	Bùi Thị Phương	3707	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
518	370758	Phạm Thị Hòa	3707	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
519	370759	Hoàng Thị Nga	3707	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
520	370760	Dương Bích Nguyệt	3707	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
521	370761	Lê Thị Vân	3707	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
522	370762	Đàm Thị Thanh Thủy	3707	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
523	370763	Trần Thị Hạnh	3707	BT	18	3	0	2,880,000	480,000	0	3,360,000
524	370764	Nguyễn Thị Quỳnh	3707	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
525	370765	Lê Thị Ly	3707	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
526	370766	Lê Thị Thanh	3707	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
527	370767	Vũ Ngọc ánh	3707	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
528	370768	Ngô Mai Thủy	3707	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
529	370769	Đào Thị Thanh Hương	3707	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
530	370770	Vũ Thanh	Thúy	3707	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
531	370771	Đỗ Liên	Hoa	3707	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
532	370772	Trương Thị Huyền	My	3707	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
533	370773	Nguyễn Đăng	Triều	3707	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
534	370774	Hoàng Phi	Long	3707	BT	0	0	0	0	0	0	0
535	370775	Nguyễn Hoài	Anh	3707	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
536	370776	Lê Thị	Ngân	3707	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
537	370777	Mai Thuý	Dương	3707	MHP	23	0	0	0	0	0	0
538	370801	Dương Thị Châu	Loan	3708	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
539	370802	Trần Bảo	Châu	3708	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
540	370803	Nguyễn Thanh	Tùng	3708	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
541	370804	Nguyễn Mai	Hương	3708	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
542	370805	Vàng Quốc	Trường	3708	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
543	370806	Nguyễn Bảo	Trâm	3708	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
544	370807	Lê Trần Anh	Thư	3708	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
545	370808	Nguyễn Hoài	Thu	3708	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
546	370809	Triệu Tồn	Chàn	3708	MHP	16	0	5	0	0	800,000	800,000
547	370810	Nguyễn Quốc	Hùng	3708	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
548	370811	Nguyễn Thị Kim	Huyền	3708	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
549	370812	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	3708	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
550	370813	Hoàng Thị	Chi	3708	BT	17	0	3	2,720,000	0	480,000	3,200,000
551	370814	Đỗ Việt	Hà	3708	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
552	370815	Trần Trang	Ly	3708	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
553	370816	Triệu Thị	Yên	3708	CT	21	0	0	0	0	0	0
554	370817	Bùi Thị	Thảo	3708	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
555	370818	Nguyễn Thị	Lan	3708	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
556	370819	Cầm Thị	Thuý	3708	CT	14	0	0	0	0	0	0
557	370820	Phàng A	Sử	3708	CT	15	0	0	0	0	0	0
558	370821	Vì Phương	Thảo	3708	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
559	370822	Trương Văn	Băng	3708	CT	16	2	0	0	320,000	0	320,000
560	370823	Nguyễn Thị Thanh	Lan	3708	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
561	370824	Trần Thị Ngọc	Hoà	3708	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
562	370825	Nguyễn Trung	Dũng	3708	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
563	370826	Lê Trần	Minh	3708	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
564	370827	Mai Đình	Thành	3708	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
565	370828	Khương Thị Thu	Hà	3708	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
566	370830	Phạm Thị	Hiên	3708	BT	14	3	4	2,240,000	480,000	640,000	3,360,000
567	370831	Nguyễn Thị Hải	Yến	3708	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
568	370832	Lê Ngọc	Anh	3708	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
569	370833	Từ Thị Phương	Thảo	3708	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
570	370834	Nguyễn Đăng Khánh	Ly	3708	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
571	370835	Quách Vũ Ngọc	Hà	3708	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
572	370836	Vũ Diệu	Hoa	3708	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
573	370837	Phạm Đình	Quang	3708	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
574	370838	Nguyễn Thùy	Nhung	3708	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
575	370839	Phùng Thị Ngọc	Anh	3708	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
576	370840	Cao Văn	Đức	3708	MHP	20	0	0	0	0	0	0
577	370842	Trịnh Thị Thanh	Thảo	3708	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
578	370843	Hoàng Thị Hoài	Thơ	3708	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
579	370844	Nguyễn Thị Hồng	Hào	3708	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
580	370845	Nguyễn Thị Minh	Hà	3708	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
581	370846	Nguyễn Phương	Thảo	3708	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
582	370847	Vì Tiểu	Mai	3708	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
583	370848	Trần Thị	Hương	3708	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
584	370849	Phạm Thị	Phương	3708	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
585	370850	Nguyễn Mạnh	Tùng	3708	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
586	370851	Hoàng Thị	Vi	3708	MHP	20	0	0	0	0	0	0
587	370852	Hà Thị	Huyền	3708	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
588	370853	Nguyễn Thị	Vui	3708	MHP	19	0	0	0	0	0	0
589	370854	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	3708	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
590	370855	Nguyễn ánh	Phượng	3708	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
591	370856	Tương Thị	Tươi	3708	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
592	370857	Cao Thị	Diệp	3708	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
593	370858	Bùi Thị	Hiên	3708	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
594	370859	Phạm Văn	Dũng	3708	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
595	370860	Văn Thị	Thúy	3708	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
596	370861	Nguyễn Thị	Nụ	3708	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
597	370862	Nguyễn Thị	Hằng	3708	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
598	370863	Đỗ Thị	Thơm	3708	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
599	370864	Vũ Thị	Tuyết	3708	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
600	370865	Phạm Thị	Thương	3708	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
601	370866	Nguyễn Thanh	Long	3708	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
602	370867	Nguyễn Thị	Năm	3708	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
603	370868	Hoàng Thị	Quỳnh	3708	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
604	370869	Nguyễn Ngọc	Hiếu	3708	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
605	370870	Thân Thị Ngọc	Huyền	3708	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
606	370871	Nguyễn Bình	An	3708	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
607	370872	Phạm Thị Hà	My	3708	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
608	370874	Hà Ngọc	Trâm	3708	BT	13	3	3	2,080,000	480,000	480,000	3,040,000
609	370875	Nguyễn Gia	Bách	3708	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
610	370876	Vũ Hà	Vân	3708	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
611	370877	Hoàng Ngọc	Thúy	3708	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
612	370901	Nguyễn Thị	Hương	3709	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
613	370902	Lê Hồng	Phương	3709	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
614	370903	Hoàng Ngọc	Hiệp	3709	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
615	370904	Trần Thu	Huệ	3709	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
616	370905	Hoàng Thị	Thuỳ	3709	BT	19	2	0	3,040,000	320,000	0	3,360,000
617	370906	La Quỳnh	Anh	3709	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
618	370907	Dương Mỹ	Tho	3709	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
619	370908	Đàm Thị	Tiếp	3709	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
620	370909	Bùi Thị	Nhung	3709	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
621	370910	Hoàng Thị Cẩm	Tú	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
622	370911	Bùi Minh	Thương	3709	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
623	370912	Lê Minh	Thùy	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
624	370913	Hoàng Thị	Phồng	3709	MHP	20	0	0	0	0	0	0
625	370914	Lương Tuấn	Anh	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
626	370915	Hoàng Thị	Huyền	3709	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
627	370916	Ma Thị	Huệ	3709	CT	22	0	0	0	0	0	0
628	370917	Lê Thị	Vui	3709	MHP	20	0	0	0	0	0	0
629	370918	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	3709	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
630	370919	Bùi Thị	Thoan	3709	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
631	370920	Lương Thị	Sen	3709	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
632	370921	Lầu Thị	Khua	3709	CT	17	0	0	0	0	0	0
633	370922	Nguyễn Huyền	My	3709	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
634	370923	Nguyễn Thị	Hiền	3709	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
635	370924	Phạm Cao	Phương	3709	MHP	17	0	4	0	0	640,000	640,000
636	370925	Nguyễn Thị	Hạnh	3709	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
637	370926	Phạm Hồng	Minh	3709	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
638	370927	Trần Thị	Yến	3709	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
639	370928	Trần Hữu	Duy	3709	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
640	370929	Đinh Thị Tuyết	Chinh	3709	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
641	370930	Lư Kế	Trường	3709	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
642	370931	Đinh Văn	Phong	3709	BT	20	3	2	3,200,000	480,000	320,000	4,000,000
643	370932	Trần Thị Hồng	Giang	3709	BT	21	0	5	3,360,000	0	800,000	4,160,000
644	370933	Hoàng Thị Phương	Thảo	3709	MHP	18	0	0	0	0	0	0
645	370934	Nguyễn Thị	Hiền	3709	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
646	370935	Nguyễn Thị	Phương	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
647	370936	Nguyễn Thị Kim	Phượng	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
648	370937	Nguyễn Anh	Dũng	3709	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
649	370938	Bùi Thu	Thảo	3709	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
650	370939	Bùi Thị Ngọc	Mai	3709	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
651	370940	Bùi Thị Mai	Linh	3709	BT	8	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
652	370941	Mai Quốc	Huy	3709	CT	20	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
653	370942	Lộc Văn	Thông	3709	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
654	370943	Trần Thị Ngọc	Hoàn	3709	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
655	370944	Nguyễn Khánh	Hòa	3709	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
656	370945	Nguyễn Giáng	Hương	3709	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
657	370946	Quách Minh	An	3709	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
658	370947	Phùng Thị	Gái	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
659	370948	Trương Thị	Hà	3709	BT	16	0	4	2,560,000	0	640,000	3,200,000
660	370949	Ngô Thị Tuyết	Anh	3709	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
661	370950	Phạm Văn	Dũng	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
662	370951	Hoàng Ngọc	Linh	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
663	370952	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	3709	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
664	370953	Nguyễn Thị Minh	Khuê	3709	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
665	370954	Bùi Thị Lan	Anh	3709	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
666	370955	Ngô Linh	Trang	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
667	370956	Nguyễn Đức	Tuệ	3709	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
668	370957	Nguyễn Thị	Luyên	3709	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
669	370958	Nguyễn Mạnh	Toàn	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
670	370959	Tạ Thị Thuỳ	Dương	3709	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
671	370960	Nguyễn Vũ Tuấn	Kiệt	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
672	370961	Trịnh Thị	Nhung	3709	BT	14	3	6	2,240,000	480,000	960,000	3,680,000
673	370962	Nguyễn Thị	Phương	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
674	370963	Ngô Thị Thùy	Linh	3709	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
675	370964	Trịnh Thị	Mai	3709	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
676	370965	Trần Mạnh	Đạt	3709	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
677	370966	Nguyễn Thị	Tuyết	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
678	370967	Nguyễn Văn	Anh	3709	BT	12	3	4	1,920,000	480,000	640,000	3,040,000
679	370969	Tạ Ngọc Phương	Trinh	3709	BT	13	0	3	2,080,000	0	480,000	2,560,000
680	370970	Nguyễn Kim	Ngân	3709	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
681	370971	Lê Mai	Khanh	3709	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
682	370972	Phạm Phương	Hoa	3709	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
683	370973	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	3709	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
684	370974	Nguyễn Quang	Huân	3709	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
685	370975	Nguyễn Việt	Linh	3709	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
686	370976	Trần Văn	Trường	3709	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
687	370977	Dương Thị	Anh	3709	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
688	371001	Hoàng Thị	Hương	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
689	371002	Đoàn Khánh	Nguyệt	3710	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
690	371003	Nguyễn Thị Hoài	Thương	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
691	371004	Bùi Anh	Tú	3710	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
692	371005	Thiều Khánh	Phương	3710	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
693	371006	Hoàng Văn	Tuân	3710	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
694	371007	Trần Thị Hoàng Yến	3710	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
695	371008	Nguyễn Thị Kim Oanh	3710	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
696	371009	Triệu Thị Lý	3710	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
697	371010	Nguyễn Hồng Hải	3710	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
698	371011	Phạm Kiều Trang	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
699	371012	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	3710	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
700	371013	Trần Thị Bích Phượng	3710	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
701	371014	Đào Thị Thu Hiền	3710	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
702	371015	Lê Trung Hiếu	3710	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
703	371016	Nguyễn Thị Thùy	3710	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
704	371017	Hoàng Thị ánh	3710	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
705	371018	Nguyễn Văn Ninh	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
706	371019	Trương Thị Thuỳ	3710	MHP	13	3	5	0	480,000	800,000	1,280,000
707	371020	Phạm Thị Hồng	3710	CT	17	0	0	0	0	0	0
708	371021	Nguyễn Thị Hoa	3710	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
709	371022	Trần Thị Giang	3710	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
710	371023	Tạ Thị Hương	3710	MHP	15	0	0	0	0	0	0
711	371024	Nguyễn Thị Phương Trang	3710	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
712	371025	Nguyễn Văn Vương	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
713	371026	Lương Thị Lan Hương	3710	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
714	371027	Trần Văn Thạo	3710	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
715	371028	Nguyễn Thái Sơn	3710	BT	8	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
716	371029	Đỗ Thị Bình	3710	BT	8	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
717	371030	Nguyễn Thị Hương Giang	3710	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
718	371031	Vũ Hương Giang	3710	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
719	371032	Đào Thị Ngân	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
720	371033	Nguyễn Thị Kim Ngân	3710	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
721	371034	Nguyễn Mạnh Tùng	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
722	371035	Lê Thị Dương	3710	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
723	371036	Phạm Thị Phương	3710	BT	24	0	0	3,840,000	0	0	3,840,000
724	371037	Trần Thị Trâm Anh	3710	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
725	371038	Lê Quỳnh Anh	3710	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
726	371039	Lê Thị Thảo	3710	MHP	19	0	0	0	0	0	0
727	371040	Nguyễn Tùng Lâm	3710	BT	17	2	0	2,720,000	320,000	0	3,040,000
728	371041	Nguyễn Kinh Đức	3710	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
729	371042	Bùi Bảo Hiền	3710	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
730	371043	Lê Thị Hồng Loan	3710	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
731	371044	Đỗ Chung Hiếu	3710	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
732	371045	Vì Thu Hoài	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
733	371046	Nguyễn Mai Phương	3710	MHP	18	0	0	0	0	0	0
734	371047	Lãnh Thị Hạnh Linh	3710	BT	14	2	0	2,240,000	320,000	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
735	371048	Nguyễn Thị	Phương	3710	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
736	371049	Bùi Thị Thanh	Ngân	3710	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
737	371050	Trần Văn	Lục	3710	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
738	371051	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	3710	BT	7	0	0	1,120,000	0	0	1,120,000
739	371052	Nguyễn Thị	Hường	3710	BT	18	0	4	2,880,000	0	640,000	3,520,000
740	371053	Vũ Hà	Anh	3710	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
741	371054	Nguyễn Như	Quỳnh	3710	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
742	371055	Đặng Tiến	Nam	3710	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
743	371056	Nguyễn Hữu	Hiệp	3710	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
744	371057	Nguyễn Hương	Giang	3710	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
745	371058	Lê Thị ái	Như	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
746	371059	Nguyễn Thị	Phương	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
747	371060	Ngô Thị Thanh	Thủy	3710	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
748	371061	Hoàng Ngọc	Hung	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
749	371062	Nguyễn Văn	Anh	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
750	371063	Đỗ Thị	Hồng	3710	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
751	371064	Nguyễn Thị	Lương	3710	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
752	371065	Nguyễn Thị	Hằng	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
753	371066	Hoàng Thị	Lan	3710	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
754	371067	Trần Thị Hoài	Anh	3710	MHP	17	0	0	0	0	0	0
755	371068	Trương Thị	Phương	3710	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
756	371070	Trần Tuấn	Việt	3710	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
757	371071	Nguyễn Tiến	Đạt	3710	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
758	371072	Nguyễn Phi	Hùng	3710	BT	0	0	0	0	0	0	0
759	371073	Đào Thị Kim	Thanh	3710	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
760	371074	Hoàng Thị Bảo	Lâm	3710	MHP	17	0	0	0	0	0	0
761	371075	Nguyễn Hồng	Quân	3710	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
762	371076	Nguyễn Ngọc	Đức	3710	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
763	371077	Phạm Văn	Thành	3710	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
764	371101	Đỗ Huyền	Trang	3711	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
765	371102	Đỗ Ngọc	Khánh	3711	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
766	371103	Hoàng Thu	Hương	3711	BT	18	4	0	2,880,000	640,000	0	3,520,000
767	371104	Hoàng Hải	Yến	3711	BT	17	0	5	2,720,000	0	800,000	3,520,000
768	371105	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	3711	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
769	371106	Nguyễn Phương	Thảo	3711	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
770	371107	Lường Thị Trà	Dương	3711	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
771	371108	Lộc Thị ánh	Huyền	3711	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
772	371109	Lành Thị	Mai	3711	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
773	371110	Nguyễn Thị Bích	Vân	3711	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
774	371111	Hoàng Thị	Phượng	3711	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
775	371112	Nguyễn Thị Anh	Phượng	3711	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
776	371113	Trần Nguyệt	Oanh	3711	BT	23	2	0	3,680,000	320,000	0	4,000,000
777	371114	Sùng A	Súa	3711	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
778	371115	Nguyễn Thị	Thảo	3711	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
779	371116	Hoàng Ngọc	Thái	3711	CT	15	0	0	0	0	0	0
780	371117	Nông Thị	Lan	3711	MHP	14	0	0	0	0	0	0
781	371118	Trần Thị	Thương	3711	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
782	371119	Hoàng Thị	Thắm	3711	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
783	371120	Đinh Thảo	Liên	3711	GHP	17	0	0	1,360,000	0	0	1,360,000
784	371121	Sùng Thị	Mai	3711	CT	19	0	0	0	0	0	0
785	371122	Đặng Thị Ngọc	ánh	3711	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
786	371123	Trần Thị	Mai	3711	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
787	371124	Nguyễn Mạnh	Hùng	3711	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
788	371125	Nguyễn Thị ánh	Dương	3711	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
789	371126	Ngô Minh	Quang	3711	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
790	371127	Phan Tuyết Vân	Anh	3711	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
791	371128	Phạm Ngọc	Long	3711	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
792	371129	Phạm Thị Thu	Hương	3711	MHP	19	0	0	0	0	0	0
793	371130	Khuất Thị	Hường	3711	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
794	371131	Nguyễn Thị Khánh	Hằng	3711	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
795	371132	Bùi Thị	Luyến	3711	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
796	371133	Nguyễn Văn	Thái	3711	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
797	371134	Lê Hoài	Phương	3711	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
798	371135	Đào Thị Thanh	Tâm	3711	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
799	371136	Nguyễn Thị	Hường	3711	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
800	371137	Vũ Thị Hồng	Nhung	3711	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
801	371138	Phạm Thị	Hường	3711	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
802	371139	Hoàng Chí	Dũng	3711	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
803	371140	Nguyễn Thị	Trâm	3711	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
804	371141	Nguyễn Thị Thương	Thương	3711	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
805	371142	Nguyễn Thu	Thủy	3711	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
806	371143	Trần Thị	Hiền	3711	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
807	371144	Nguyễn Thu	Thủy	3711	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
808	371145	Lê Thị	Thoa	3711	MHP	20	0	0	0	0	0	0
809	371146	Bùi Thị	Châu	3711	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
810	371147	Vũ Phụng	Anh	3711	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
811	371148	Mai Thị	Hoa	3711	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
812	371149	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	3711	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
813	371150	Trần Thị Hải	Yến	3711	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
814	371151	Hoàng Thị	Thu	3711	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
815	371152	Phạm Vũ Minh	Hằng	3711	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
816	371153	Đặng Thị	Tâm	3711	BT	17	0	6	2,720,000	0	960,000	3,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
817	371154	Nguyễn Văn Minh	3711	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
818	371155	Vũ Thị Phương Nhung	3711	BT	20	0	4	3,200,000	0	640,000	3,840,000
819	371156	Nguyễn Thị Bích Ngọc	3711	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
820	371157	Nguyễn Tuấn Linh	3711	MHP	20	0	0	0	0	0	0
821	371158	Nguyễn Thị Thu Huyền	3711	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
822	371159	Trần Thị Nhân	3711	BT	14	0	9	2,240,000	0	1,440,000	3,680,000
823	371160	Bùi Thu Hà	3711	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
824	371161	Phùng Thị Hồng Ngọc	3711	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
825	371162	Nguyễn Bích Phượng	3711	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
826	371163	Trần Thế Quyền	3711	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
827	371164	Đặng Ngọc Mỹ	3711	BT	5	0	0	800,000	0	0	800,000
828	371165	Nguyễn Thị Đức	3711	MHP	14	0	0	0	0	0	0
829	371166	Vũ Tự Thắng	3711	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
830	371167	Trần Thị Linh	3711	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
831	371168	Nguyễn Thị Mơ	3711	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
832	371169	Nguyễn Ngọc Anh	3711	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
833	371171	Phạm Quý Dương	3711	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
834	371172	Phùng Mai Anh	3711	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
835	371173	Nguyễn Sơn Tùng	3711	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
836	371174	Nguyễn Mai Trang	3711	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
837	371175	Nguyễn Thị Phương Anh	3711	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
838	371176	Hoàng Huyền Trang	3711	BT	19	5	0	3,040,000	800,000	0	3,840,000
839	371177	Đàm Thị Hà	3711	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
840	371178	Hoàng Văn Thùy	3711	QP	17	0	0	0	0	0	0
841	371179	Trịnh Văn Chiến	3711	QP	18	0	4	0	0	640,000	640,000
842	371201	Hứa Thị Phương	3712	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
843	371202	Đặng Thị Thu	3712	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
844	371203	Dương Thị Thanh Bình	3712	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
845	371204	Lý Thị Kim Phượng	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
846	371205	Đặng Thanh Mai	3712	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
847	371206	Mùa Kiều Anh	3712	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
848	371207	Lã Thị Thảo	3712	MHP	23	0	0	0	0	0	0
849	371208	Hoàng Thanh Hoài	3712	MHP	19	0	0	0	0	0	0
850	371209	Hứa Thị Liễu	3712	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
851	371210	Nguyễn Phương Anh	3712	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
852	371211	Bùi Khánh Huyền	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
853	371212	Hoàng Thị Chuyên	3712	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
854	371213	Nguyễn Lương Bằng	3712	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
855	371214	Đặng Thị Hồng Chiên	3712	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
856	371215	Đình Thị Thúy Nga	3712	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
857	371216	Lý Thị Oanh	3712	CT	20	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
858	371217	Nguyễn Mai	Anh	3712	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
859	371218	Thái Thùy	Linh	3712	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
860	371219	Vũ Hoàng	Long	3712	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
861	371220	Vàng Thị	Hạnh	3712	CT	17	0	0	0	0	0	0
862	371221	Đàm Văn	Quang	3712	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
863	371222	Vũ Thị	Chi	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
864	371223	Vàng A	Lữ	3712	CT	17	0	0	0	0	0	0
865	371224	Nguyễn Thị Thanh	Hương	3712	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
866	371225	Bùi Thị	Hào	3712	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
867	371226	Bùi Thị Minh	Giang	3712	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
868	371227	Phạm Anh	Tuấn	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
869	371228	Trần Bích	Ngọc	3712	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
870	371229	Nguyễn Hồng	Hạnh	3712	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
871	371230	Lý Anh	Phương	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
872	371231	Chu Ngọc	ánh	3712	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
873	371232	Trịnh Thị Thuý	Dương	3712	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
874	371233	Nguyễn Ngọc	Sơn	3712	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
875	371234	Hoàng Đỗ Khánh	Linh	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
876	371235	Phạm Thu	Thuý	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
877	371236	Bùi Đình Thuý	Dương	3712	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
878	371237	Phạm Huyền	Trang	3712	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
879	371238	Đình Văn	Nam	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
880	371239	Vũ Thanh	Loan	3712	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
881	371240	Phạm Thị Thu	Hà	3712	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
882	371241	Lữ Thị	Thuý	3712	MHP	16	0	0	0	0	0	0
883	371242	Dương Thị Hồng	Chiến	3712	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
884	371243	Phan Thị	Uyên	3712	MHP	11	0	0	0	0	0	0
885	371244	Hoàng Diệu	Linh	3712	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
886	371245	Lý Thị	Xuân	3712	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
887	371246	Nông Thị Khánh	Hoà	3712	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
888	371247	Phạm Thị	Giang	3712	MHP	14	0	0	0	0	0	0
889	371248	Trương Thị Thanh	Hằng	3712	MHP	17	0	0	0	0	0	0
890	371249	Đặng Hải	Yến	3712	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
891	371250	Nguyễn Thảo	Ly	3712	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
892	371251	Lê Thị	Trang	3712	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
893	371252	Nguyễn Thanh	Quý	3712	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
894	371253	Hoàng Thị	Hoài	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
895	371254	Lê Khắc Minh	Đức	3712	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
896	371255	Đặng Thị Thanh	Huyền	3712	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
897	371256	Phạm Văn	Phú	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
898	371257	Đình Đức	Trọng	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
899	371258	Nguyễn Tuấn	Khang	3712	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
900	371259	Lê Thị Kim	Ngân	3712	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
901	371260	Lê Thị	Việt	3712	BT	17	3	0	2,720,000	480,000	0	3,200,000
902	371261	Bùi Thị Thúy	Ngân	3712	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
903	371262	Đắc Thị	Liều	3712	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
904	371263	Lường Thị	Thương	3712	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
905	371264	Nguyễn Thị	Ngân	3712	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
906	371265	Đặng Thị Thu	Hường	3712	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
907	371266	Phạm Khánh	Hòa	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
908	371267	Cao Thị Thùy	Dương	3712	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
909	371268	Nguyễn Thị	Nhung	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
910	371269	Nguyễn Hồng	Đào	3712	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
911	371270	Nguyễn Thị	Lệ	3712	MHP	21	0	0	0	0	0	0
912	371271	Đoàn Danh	Hiếu	3712	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
913	371272	Nguyễn Thị	Thủy	3712	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
914	371273	Đỗ Thị Phương	Thảo	3712	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
915	371274	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	3712	BT	20	3	0	3,200,000	480,000	0	3,680,000
916	371275	Hà Tuấn	Việt	3712	BT	18	3	0	2,880,000	480,000	0	3,360,000
917	371276	Phạm Thị Minh	Hằng	3712	MHP	20	0	0	0	0	0	0
918	371277	Hoàng Phước	Nam	3712	MHP	17	3	0	0	480,000	0	480,000
919	371278	Phạm Minh	Thắng	3712	QP	19	3	0	0	480,000	0	480,000
920	371279	Phùng Văn	Hoàng	3712	QP	15	0	0	0	0	0	0
921	371301	Vũ Ngọc	Quyên	3713	BT	15	10	0	2,400,000	1,600,000	0	4,000,000
922	371302	Lý Minh	Tú	3713	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
923	371303	Nông Thị	Trang	3713	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
924	371304	Phan Thị Thuỳ	Dương	3713	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
925	371305	Đinh Thị Thu	Hoa	3713	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
926	371306	Tổng Văn	Tài	3713	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
927	371307	Phạm Bích	Ngọc	3713	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
928	371308	Phạm Thị Thảo	Linh	3713	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
929	371309	Lê Thị	Bích	3713	MHP	15	0	0	0	0	0	0
930	371310	Trần Thị Hải	Yên	3713	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
931	371311	Hoàng Thị Mai	Hiên	3713	MHP	16	0	0	0	0	0	0
932	371312	Triệu Thị	Lan	3713	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
933	371313	Nguyễn Thảo	Nguyên	3713	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
934	371314	Lâu A	Tùa	3713	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
935	371315	Triệu Thị	Xuân	3713	CT	20	0	0	0	0	0	0
936	371316	Hoàng Thị	Hạnh	3713	CT	20	0	0	0	0	0	0
937	371317	Nguyễn Thuỳ	Linh	3713	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
938	371318	Bùi Thị	Phúc	3713	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
939	371319	Cao Phạm Thùy	Linh	3713	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
940	371320	Trần Đức Mạnh	3713	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
941	371321	Sùng A Súa	3713	CT	18	0	0	0	0	0	0
942	371322	Lê Thị Hoa	3713	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
943	371323	Giàng Thị Thu	3713	CT	19	0	0	0	0	0	0
944	371324	Phạm Hồng Ngọc	3713	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
945	371325	Nguyễn Thị Hồng Yến	3713	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
946	371326	Trịnh Thị Tâm	3713	BT	18	5	0	2,880,000	800,000	0	3,680,000
947	371327	Nhâm Thị Vân Anh	3713	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
948	371328	Nguyễn Thanh Hương	3713	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
949	371329	Lê Thị Mai Linh	3713	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
950	371330	Ngô Thị Ngọc Thuý	3713	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
951	371331	Đặng Thị Hằng	3713	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
952	371332	Nguyễn Thị Thảo Linh	3713	BT	7	0	0	1,120,000	0	0	1,120,000
953	371333	Tổng Phước Duy	3713	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
954	371334	Phạm Thị Thu	3713	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
955	371335	Đỗ Thị Nga	3713	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
956	371336	Nguyễn Viết Nam	3713	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
957	371337	Nguyễn Thị Thu Hiền	3713	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
958	371338	Trần Thị Nhật Minh	3713	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
959	371339	Vy Thị Huyền Trang	3713	MHP	20	0	0	0	0	0	0
960	371340	Hà Như Quỳnh	3713	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
961	371341	Đỗ Thị Thảo	3713	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
962	371343	Mạc Văn Kiên	3713	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
963	371344	Trương Lý Trang	3713	BT	15	0	2	2,400,000	0	320,000	2,720,000
964	371345	Vì Thị Hương	3713	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
965	371346	Nguyễn Trung Thành	3713	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
966	371347	Bùi Thị Phương	3713	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
967	371348	Nguyễn Thị Thuý Dung	3713	BT	18	0	5	2,880,000	0	800,000	3,680,000
968	371349	Ngô Thị Huệ	3713	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
969	371350	Bùi Thị Lan	3713	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
970	371351	Phạm Tất Thành	3713	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
971	371352	Vương Ngọc ánh	3713	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
972	371353	Trần Thị Hồng Nhung	3713	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
973	371354	Vũ Thị Nguyệt	3713	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
974	371355	Trương Thị Quỳnh	3713	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
975	371356	Bùi Đặng Thu Thuý	3713	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
976	371357	Bùi Thị Sinh	3713	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
977	371358	Doãn Thị Thu Hằng	3713	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
978	371359	Phan Thanh Trà	3713	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
979	371360	Lê Quỳnh Anh	3713	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
980	371361	Nguyễn Thị Nhung	3713	MHP	20	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
981	371362	Thái Khánh	Linh	3713	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
982	371363	Nguyễn Thị	Liên	3713	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
983	371364	Nguyễn Thị	Hằng	3713	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
984	371365	Lưu Thị	Hải	3713	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
985	371366	Đinh Thị Thu	Uyên	3713	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
986	371367	Trịnh Thị Hằng	Nga	3713	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
987	371368	Nguyễn Thị	Hiền	3713	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
988	371369	Nguyễn Mai	Phương	3713	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
989	371370	Vũ Hồng	Vân	3713	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
990	371371	Vũ Tuyết	Trình	3713	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
991	371372	Nguyễn Văn	Tiền	3713	BT	16	0	3	2,560,000	0	480,000	3,040,000
992	371373	Nguyễn Đăng	Hoà	3713	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
993	371374	Nguyễn Thu	Hà	3713	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
994	371375	Lê Minh	Quang	3713	BT	19	3	0	3,040,000	480,000	0	3,520,000
995	371376	Tăng Nữ Tiểu	Trang	3713	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
996	371377	Phùng Ngọc	Vinh	3713	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
997	371378	Bàn Vũ	Hậu	3713	QP	18	0	0	0	0	0	0
998	371379	Phạm Văn	Vũ	3713	QP	20	0	0	0	0	0	0
999	371401	Trần Thanh	Thùy	3714	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1000	371402	Phạm Ngọc	Toàn	3714	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1001	371403	Mông Thị	Vượng	3714	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1002	371404	Hoàng Thị	An	3714	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1003	371405	Ma Thị	Là	3714	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1004	371406	Hoàng Thị Cẩm	Thủy	3714	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1005	371407	Chu Xé	Cà	3714	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1006	371408	Nguyễn Thị	Thảo	3714	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1007	371409	Hoàng Hồng	Mơ	3714	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1008	371410	Đàm Thị	Khuyên	3714	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1009	371411	Nguyễn Ngọc	Linh	3714	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1010	371412	Phan Thị Thanh	Mai	3714	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1011	371413	Nguyễn Thị Phương	Thảo	3714	BT	6	0	0	960,000	0	0	960,000
1012	371414	Lưu Thị	Dung	3714	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1013	371415	Lộc Thị	Lại	3714	CT	18	0	0	0	0	0	0
1014	371416	Hoàng Thị Minh	Trang	3714	CT	18	0	0	0	0	0	0
1015	371417	Nguyễn Thị	Hường	3714	BT	15	0	5	2,400,000	0	800,000	3,200,000
1016	371418	Trần Thị Tú	Quyên	3714	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1017	371419	Mai Thị	Huyền	3714	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1018	371420	Chu Thị	Diên	3714	CT	20	0	0	0	0	0	0
1019	371421	Nông Văn	Hùng	3714	CT	20	0	0	0	0	0	0
1020	371422	Cao Thị Thanh	Huyền	3714	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1021	371423	Tân Thị	Dua	3714	CT	17	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1022	371424	Bùi Thị	Huyền	3714	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1023	371425	Nguyễn Thị	Phương	3714	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
1024	371426	Nguyễn Thị	Hương	3714	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1025	371427	Phạm Đình	Nam	3714	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1026	371428	Nguyễn Thị Minh	Thúy	3714	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1027	371429	Đào Thị	Phương	3714	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1028	371430	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	3714	BT	5	0	0	800,000	0	0	800,000
1029	371431	Lê Nhật	Quang	3714	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1030	371432	Nguyễn Thị Huyền	Trang	3714	BT	0	0	0	0	0	0	0
1031	371433	Vũ Thị	Bích	3714	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1032	371434	Nguyễn Tuấn	Hải	3714	BT	18	0	4	2,880,000	0	640,000	3,520,000
1033	371435	Trần Thị Minh	Trang	3714	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1034	371436	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	3714	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1035	371437	Thân Thị	Hạnh	3714	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1036	371438	Nguyễn Thu	Hương	3714	GHP	18	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
1037	371439	Ngô Thị Quỳnh	Anh	3714	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1038	371440	Thạch Minh	Hằng	3714	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
1039	371441	Dương Thị	Thái	3714	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1040	371442	Trương Thị Hồng	Nhung	3714	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1041	371443	Lê Nguyễn Hoài	Thương	3714	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1042	371444	Phan Diệu	Lĩnh	3714	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1043	371445	Ngô Sơn	Tùng	3714	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1044	371446	Nguyễn Việt	Hà	3714	GHP	15	0	0	1,200,000	0	0	1,200,000
1045	371447	Trương Thị	Hiền	3714	BT	0	0	0	0	0	0	0
1046	371448	Lưu Thị	Hiền	3714	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1047	371449	Lê Hồng	Anh	3714	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
1048	371450	Vũ Thị Thùy	Dung	3714	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1049	371451	Vũ Tuấn	Tú	3714	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
1050	371452	Vũ Bình	An	3714	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1051	371453	Nguyễn Thị	Hương	3714	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1052	371454	Phạm Thanh	Xuyên	3714	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1053	371455	Nguyễn Thị	Ngọc	3714	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1054	371456	Nguyễn Thị Hải	Yến	3714	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1055	371457	Nguyễn Văn	Lực	3714	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1056	371458	Vũ Thị	Liên	3714	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1057	371459	Lê Trà	My	3714	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1058	371460	Nguyễn Thị	Hương	3714	MHP	15	0	4	0	0	640,000	640,000
1059	371461	Phan Thị	Huyền	3714	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1060	371462	Vũ Thị Bích	Liên	3714	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1061	371463	Vũ Văn	Phương	3714	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1062	371464	Nguyễn Hà	Dương	3714	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1063	371465	Phạm Thị Linh	3714	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1064	371466	Nguyễn Thị Nhung	3714	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
1065	371467	Lê Thị Hải	3714	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1066	371468	Ninh Việt	3714	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1067	371469	Hoàng Lê Sơn	3714	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
1068	371470	Vũ Thanh Huyền	3714	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1069	371471	Bùi Thị Quỳnh Chi	3714	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1070	371472	Nguyễn Hiếu	3714	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1071	371473	Đàm Minh Hiếu	3714	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
1072	371475	Nguyễn Quỳnh Anh	3714	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1073	371476	Nguyễn Hải Yến	3714	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
1074	371477	Trịnh Thu Thủy	3714	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1075	371478	Nguyễn Duy Lực	3714	QP	20	0	0	0	0	0	0
1076	371479	Trịnh Văn Quý	3714	QP	19	0	0	0	0	0	0
1077	371501	Nông Bích Thu	3715	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1078	371502	Đào Thị Huế	3715	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1079	371503	Lâm Thị Thuý	3715	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1080	371504	Hoàng Hồng Giang	3715	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1081	371505	Nguyễn Thị Phương Thuý	3715	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1082	371506	Đàm Văn Linh	3715	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1083	371507	Phan Thị Thanh Hà	3715	MHP	19	0	0	0	0	0	0
1084	371508	Ngô Thị Huyền	3715	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1085	371509	Vũ Quỳnh Mai	3715	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1086	371510	Nguyễn Thị Thu Hoài	3715	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
1087	371511	Bùi Thị Minh	3715	MHP	15	3	0	0	480,000	0	480,000
1088	371512	Lương Hồng Loan	3715	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1089	371513	Trần Thị Tuyên	3715	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1090	371514	Trần Thị Mến	3715	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1091	371515	Ngô Thị Bích Lành	3715	CT	19	0	0	0	0	0	0
1092	371516	Đỗ Thị Hoa	3715	CT	21	0	0	0	0	0	0
1093	371517	Vũ Thị Việt Trinh	3715	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1094	371518	Vương Thị Dung	3715	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1095	371519	Nguyễn Thị Phương Thảo	3715	CT	19	0	0	0	0	0	0
1096	371520	Giàng Minh Lúa	3715	CT	18	0	0	0	0	0	0
1097	371521	Lò Thị Dân	3715	CT	17	0	0	0	0	0	0
1098	371522	Sần Seo Xiền	3715	CT	16	0	0	0	0	0	0
1099	371523	Nguyễn Thị Vân	3715	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1100	371524	Phạm Thị Hiền	3715	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1101	371525	Phạm Thị Liên	3715	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1102	371526	Hoàng Thu Thảo	3715	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1103	371527	Bùi Khánh Linh	3715	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1104	371528	Phạm Minh	Sáng	3715	MHP	20	0	0	0	0	0	0
1105	371529	Tăng Văn	Hoàng	3715	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1106	371530	Phan Thảo	An	3715	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1107	371531	Nguyễn Thị Phương	Lan	3715	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
1108	371532	Đỗ Thị	Nga	3715	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1109	371533	Nguyễn Thùy	Linh	3715	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1110	371534	Lã Thị	Tuyền	3715	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1111	371535	Phạm Thị Hương	Lan	3715	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1112	371536	Nguyễn Thị	Ngọc	3715	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1113	371537	Vy Thị	Lan	3715	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1114	371538	Nông Thu	Hường	3715	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1115	371539	Hoàng Minh	Đức	3715	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1116	371540	Nông Hải	Yến	3715	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1117	371541	Phạm Trần Tuấn	Linh	3715	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1118	371542	Lê Thị Phương	Anh	3715	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1119	371543	Lý Văn	Thông	3715	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
1120	371544	Nguyễn Diệu	Linh	3715	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1121	371545	Bùi Thị Bích	Nguyệt	3715	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1122	371546	Nguyễn Thuý	Hường	3715	MHP	19	0	0	0	0	0	0
1123	371547	Lương Quốc	Kiều	3715	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1124	371549	Bùi Thị	Thảo	3715	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1125	371550	Nguyễn Ngọc	Thập	3715	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1126	371551	Nguyễn Thị Hoài	Nam	3715	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1127	371552	Trần Thị Thúy	Nga	3715	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1128	371553	Bùi Thị	Hoa	3715	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1129	371554	Nguyễn Thị	Nga	3715	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1130	371555	Nguyễn Văn	Đức	3715	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1131	371556	Nguyễn Thị Thu	Trang	3715	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1132	371557	Nguyễn Thị Khánh	Hoà	3715	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1133	371558	Hoàng Thị	Gấm	3715	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1134	371559	Trần Thị	Thúy	3715	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1135	371560	Phan Thị	Thuận	3715	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1136	371561	Xuân Thị	Hằng	3715	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1137	371562	Lê Thị Cẩm	Vân	3715	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1138	371563	Lê Trung	Hiếu	3715	MHP	14	0	0	0	0	0	0
1139	371564	Nguyễn Văn	Hà	3715	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
1140	371565	Nguyễn Thị Thu	Hằng	3715	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1141	371566	Đinh Thị	Huyền	3715	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1142	371567	Nguyễn Thị	Nhung	3715	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1143	371568	Nguyễn Cao	Thế	3715	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1144	371569	Lương Thị	Phương	3715	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1145	371570	Nguyễn Thị Phương Thảo	3715	BT	7	0	0	1,120,000	0	0	1,120,000
1146	371571	Lương Thị Huyền Châm	3715	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
1147	371572	Nguyễn Anh Phương	3715	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
1148	371573	Đoàn Bá Duy	3715	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1149	371574	Phạm Minh Hoàng	3715	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1150	371575	Trần Mỹ Hạnh	3715	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1151	371577	Hoàng Thị Kim Thoa	3715	MHP	14	2	0	0	320,000	0	320,000
1152	371599	LY MALEN	3715	LAOTT	23	0	0	19,090,000	0	0	19,090,000
1153	371601	Đậu Thị Thùy Dung	3716	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1154	371602	La Nông Dương	3716	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1155	371603	Trần Thị Sương	3716	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1156	371604	Trương Hùng An	3716	BT	18	9	0	2,880,000	1,440,000	0	4,320,000
1157	371605	Lương Thị Ngọc Oanh	3716	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1158	371606	Nguyễn Thị Thảo	3716	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1159	371607	Lương Ngọc Tuyết	3716	MHP	20	0	0	0	0	0	0
1160	371608	Hoàng Thị Hường	3716	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1161	371609	Hoàng Thị Thu Gấm	3716	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1162	371610	Lò Thị Thảo	3716	MHP	22	0	0	0	0	0	0
1163	371611	Lục Thị Hồng	3716	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1164	371612	Nguyễn Thu Hiền	3716	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1165	371613	Trần Thị Hoan	3716	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
1166	371614	Hoàng Thị Yến	3716	BT	15	4	0	2,400,000	640,000	0	3,040,000
1167	371615	Phạm Thị Anh	3716	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1168	371616	Nguyễn Thị Thanh Nga	3716	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1169	371617	Nguyễn Thị Hương Trang	3716	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1170	371619	Nguyễn Thị Duệ	3716	CT	22	0	0	0	0	0	0
1171	371620	Sông Lao Vụ	3716	CT	20	0	0	0	0	0	0
1172	371621	Nguyễn Thị Hồng Thiệp	3716	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1173	371622	Nguyễn Thị Bích Nhung	3716	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1174	371623	Pờ Minh Thu	3716	CT	20	0	0	0	0	0	0
1175	371624	Trần Văn Dũng	3716	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1176	371625	Tạ Thu Máy	3716	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
1177	371626	Lê Phương Anh	3716	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1178	371627	Võ Thị Tâm	3716	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1179	371628	Đỗ Mạnh Cường	3716	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1180	371629	Đinh Thị Là	3716	MHP	19	0	0	0	0	0	0
1181	371630	Nguyễn Hùng Hải	3716	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1182	371631	Đào Tiểu Ngọc	3716	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1183	371632	Vũ Thị Thu Hà	3716	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1184	371633	Nguyễn Thành Đạt	3716	BT	16	0	4	2,560,000	0	640,000	3,200,000
1185	371634	Phạm Thị Vân Anh	3716	BT	0	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1186	371635	Hoàng Thị Thảo	3716	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
1187	371636	Đinh Thị Nho	3716	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1188	371637	Vương Quốc Cường	3716	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1189	371638	Bê Thị Thu Hoài	3716	BT	18	3	0	2,880,000	480,000	0	3,360,000
1190	371639	Vũ Thị Hằng Hà	3716	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
1191	371640	Hoàng Ngọc Lưu Ly	3716	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1192	371641	Đinh Thị Thu Phương	3716	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1193	371642	Trần Thị Chính	3716	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1194	371643	Hà Thị Đậu	3716	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1195	371644	Lý Thị Thơ	3716	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1196	371645	Nguyễn Duy Thái	3716	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1197	371646	Vũ Thanh Tùng Lâm	3716	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
1198	371647	Vũ Thị Hải Yến	3716	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1199	371648	Trương Thị Nga	3716	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1200	371649	Phùng Thị Phương Thảo	3716	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1201	371650	Ngô Trung Hiếu	3716	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1202	371651	Thiều Thị Thu Hiền	3716	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1203	371652	Phan Thị Phương Nhung	3716	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1204	371653	Lê Đức Thuận	3716	BT	17	3	0	2,720,000	480,000	0	3,200,000
1205	371654	Từ Thị Thanh Ngọc	3716	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1206	371655	Đặng Hồng Hiệp	3716	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1207	371656	Vũ Khắc Lâm	3716	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1208	371657	Nguyễn Thị Kim Quyên	3716	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1209	371658	Hồ Nhất Nhân	3716	BT	18	6	0	2,880,000	960,000	0	3,840,000
1210	371659	Lê Thị Hồng	3716	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1211	371660	Nguyễn Khánh Ly	3716	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1212	371661	Trần Thị Huyền	3716	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
1213	371662	Nguyễn ánh Hiền	3716	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1214	371663	Phạm Thị Vân Anh	3716	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
1215	371664	Đỗ Thế Viết	3716	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
1216	371665	Lê Thị Huyền	3716	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
1217	371666	Đặng Thị Tâm	3716	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1218	371667	Lê Thị Phương	3716	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1219	371668	Bùi Đăng Hiếu	3716	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1220	371669	Phạm Phú Đông	3716	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1221	371670	Đặng Kiều Anh	3716	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1222	371671	Trần Ngọc Anh	3716	BT	13	2	0	2,080,000	320,000	0	2,400,000
1223	371672	Đinh Việt Tiên	3716	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1224	371673	Trần Trung Nghĩa	3716	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
1225	371674	Đinh Thị Ngọc Huyền	3716	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1226	371675	Nguyễn Phương Lê	3716	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1227	371676	Nguyễn Kim Anh	3716	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1228	371677	Phạm Văn An	3716	MHP	22	0	0	0	0	0	0
1229	371678	Nguyễn Đức Thành	3716	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1230	371701	Bùi Thị Ngân	3717	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1231	371702	Nguyễn Thuỳ Linh	3717	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1232	371703	Hứa Ngọc ánh	3717	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1233	371704	Phạm Thị Châu Giang	3717	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1234	371705	Bùi Cẩm Tú	3717	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
1235	371706	Lâm Thị Luyến	3717	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1236	371707	Lâm Anh Duy	3717	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1237	371708	Vũ Diệu Quỳnh	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1238	371709	Dương Thị Như	3717	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
1239	371710	Trịnh Thu Trang	3717	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1240	371711	Hoàng Diệu Hiền	3717	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1241	371712	Hoàng Thu Hà	3717	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1242	371713	Hoàng Thị Thảo Hiền	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1243	371714	Bùi Hồng Hạnh	3717	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1244	371715	Dương Thị Hà Phương	3717	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1245	371716	Phạm Thị Thanh Tâm	3717	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1246	371717	Võ Thị Quỳnh Lương	3717	BT	19	3	0	3,040,000	480,000	0	3,520,000
1247	371718	Hà Thị Kim Oanh	3717	MHP	17	0	0	0	0	0	0
1248	371719	Trần Thị Huyền	3717	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1249	371720	Nguyễn Quang Tân	3717	BT	23	0	0	3,680,000	0	0	3,680,000
1250	371721	Trần Thị Yến	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1251	371722	Trịnh Thị Như Quỳnh	3717	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1252	371723	Hà Thị Hoa	3717	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1253	371724	Nguyễn Thị Hương	3717	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1254	371725	Nguyễn Thị Thu Hà	3717	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1255	371726	Phạm Trung Hiếu	3717	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1256	371727	Phạm Mỹ Linh	3717	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1257	371728	Phạm Phương Thảo	3717	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1258	371729	Nguyễn Việt Hùng	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1259	371730	Vũ Hồng Nhung	3717	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1260	371731	Trần Mạnh Hà	3717	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1261	371732	Phạm Thị Hải Yến	3717	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1262	371733	Nguyễn Văn Tùng	3717	BT	5	0	0	800,000	0	0	800,000
1263	371734	Nguyễn Thị Hường	3717	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1264	371735	Phạm Thị Ngân	3717	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1265	371736	Hồ Phúc Hải	3717	BT	13	10	0	2,080,000	1,600,000	0	3,680,000
1266	371737	Vàng Thị Dia	3717	CT	19	0	0	0	0	0	0
1267	371738	Phạm Thị Hương	3717	MHP	18	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1268	371740	Đào Linh	Trang	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1269	371741	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	3717	BT	5	0	0	800,000	0	0	800,000
1270	371742	Ngân Thị	Dậu	3717	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1271	371743	Đỗ Thị Khánh	Linh	3717	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1272	371744	Lê Thị	Lâm	3717	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1273	371745	Nguyễn Văn	Bình	3717	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1274	371746	Hà Mạnh	Hùng	3717	BT	0	0	0	0	0	0	0
1275	371747	Bùi Thị Thu	Hoài	3717	MHP	23	0	0	0	0	0	0
1276	371748	Lương Thanh	Tú	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1277	371749	Hồ Thị Tú	Hiền	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1278	371750	Trần Thị	Trang	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1279	371751	Hứa Thị	Hội	3717	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1280	371752	Nguyễn Tiến	Dũng	3717	BT	8	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
1281	371753	Đồng Thị Xuân	Quỳnh	3717	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1282	371754	Vũ Thị	Bưởi	3717	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1283	371755	Dương Thị Hồng	Nhung	3717	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1284	371756	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	3717	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1285	371757	Phạm Thị	Liên	3717	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1286	371759	Ngô Thị	Hồng	3717	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1287	371760	Lê Văn	Quang	3717	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1288	371761	Vũ Thị Linh	Phương	3717	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1289	371762	Cao Thị Kim	Tiến	3717	BT	19	3	0	3,040,000	480,000	0	3,520,000
1290	371763	Tạ Văn	Hùng	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1291	371764	Nguyễn Thị	Trang	3717	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1292	371765	Nguyễn Thanh	Phương	3717	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1293	371766	Lương Thị	Duyên	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1294	371767	Phan Thị Minh	Nguyệt	3717	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1295	371768	Ngô Thị Thuý	Linh	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1296	371769	Lê Thị	Yến	3717	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1297	371770	Trần Thị Vân	Hạnh	3717	BT	8	12	0	1,280,000	1,920,000	0	3,200,000
1298	371771	Nguyễn Đình	Trọng	3717	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1299	371772	Nguyễn Thị Hạnh	Như	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1300	371773	Lê Ngọc	Quỳnh	3717	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1301	371775	Lưu Bảo	Phượng	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1302	371776	Lê Thị Mai	Lan	3717	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1303	371777	Lê Đức	Thuý	3717	BT	7	0	0	1,120,000	0	0	1,120,000
1304	371801	Lãnh Thị	Hằng	3718	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1305	371802	Nông Thị	Tâm	3718	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1306	371803	Nguyễn Long	Thành	3718	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1307	371804	Vũ Thị Hà	Trang	3718	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1308	371805	Ma Thị	Thảo	3718	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1309	371806	Nguyễn Thị	Linh	3718	MHP	21	0	0	0	0	0	0
1310	371807	Nguyễn Minh	Huy	3718	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1311	371808	Vũ Thị Minh	Huệ	3718	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1312	371809	Trần Hải	Việt	3718	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1313	371810	Bạc Thị	Hường	3718	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1314	371811	Quán Thị Hương	Huyền	3718	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1315	371812	Nguyễn Ngọc	Linh	3718	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1316	371813	Trương Thị Phương	Anh	3718	BT	16	3	0	2,560,000	480,000	0	3,040,000
1317	371814	Nguyễn Ngọc	Sơn	3718	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1318	371815	Nguyễn Xuân	Tùng	3718	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1319	371816	Nông Thị	Cần	3718	CT	17	0	0	0	0	0	0
1320	371817	Ngô Quang	Ngọc	3718	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1321	371818	Vì Thị	Linh	3718	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1322	371819	Đặng Thị	Lúu	3718	CT	21	0	0	0	0	0	0
1323	371820	Hà Thị	Vui	3718	CT	19	0	0	0	0	0	0
1324	371821	Tân Xa	Ngọc	3718	CT	19	0	0	0	0	0	0
1325	371822	Giàng A	Di	3718	CT	22	0	0	0	0	0	0
1326	371823	Lý Văn	Tám	3718	CT	20	0	0	0	0	0	0
1327	371824	Vũ Hoàng	Sơn	3718	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1328	371825	Hoàng Diệu	Thủy	3718	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1329	371826	Nguyễn Thị Huyền	Trang	3718	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1330	371827	Bùi Thị Minh	Thanh	3718	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1331	371828	Phạm Thị Khánh	Ninh	3718	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1332	371829	Tổng Quỳnh	Trang	3718	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1333	371830	Hoàng Phương	Trang	3718	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1334	371831	Khuất Thị	Quỳnh	3718	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1335	371832	Phạm	Vũ	3718	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1336	371833	Trần Thu	Trang	3718	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1337	371834	Nguyễn Quang	Sơn	3718	MHP	20	0	0	0	0	0	0
1338	371835	Đào Thị Thu	Hường	3718	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1339	371836	Trần Thị Thu	Phương	3718	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1340	371837	Len Thị	Phương	3718	MHP	19	0	0	0	0	0	0
1341	371838	Lê Thị	Thuận	3718	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1342	371839	Chu Thị Minh	Thúy	3718	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1343	371840	Lò Thu	Quỳnh	3718	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1344	371841	Nguyễn Thị Việt	Trinh	3718	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1345	371842	Nguyễn Thị	Như	3718	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1346	371843	Bùi Thị	Thúy	3718	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1347	371844	Bùi Thị Ngọc	Huyền	3718	MHP	15	0	0	0	0	0	0
1348	371846	Trần Thị	Hoa	3718	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1349	371847	Hoàng Thị Thủy	Linh	3718	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1350	371848	Hoàng Thị Năm	3718	MHP	19	0	0	0	0	0	0
1351	371849	Lê Thị Trà My	3718	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1352	371850	Đinh Thị Mỹ	3718	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
1353	371851	Giáp Thị Hiền	3718	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
1354	371852	Nguyễn Thị Thu Hà	3718	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1355	371853	Bùi Thị Hiền	3718	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1356	371854	Nguyễn Thị Hồng Vân	3718	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1357	371855	Đỗ Thị Loan	3718	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1358	371856	Nguyễn Gia Khoa	3718	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1359	371857	Lương Thị Hằng	3718	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1360	371858	Lãnh Thị Hương	3718	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1361	371859	Nông Thị Lan	3718	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1362	371860	Nguyễn Thị Diễm	3718	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1363	371861	Nguyễn Thị Thương	3718	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1364	371862	Đào Thị Ban	3718	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1365	371863	Đỗ Thị Hải Ninh	3718	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1366	371864	Nguyễn Thị Hà	3718	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1367	371865	Hoàng Thị Ngân	3718	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1368	371866	Chữ Thị Thắm	3718	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1369	371867	Nguyễn Thị Hiền	3718	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1370	371868	Nguyễn Thị Thảo	3718	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1371	371869	Trần Thị Thuý An	3718	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1372	371870	Vũ Đại Thông	3718	MHP	17	0	0	0	0	0	0
1373	371871	Nguyễn Thu Trang	3718	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1374	371872	Nguyễn Lê Khanh	3718	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
1375	371873	Dương Anh Tùng	3718	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1376	371874	Nguyễn Ngọc Sơn	3718	BT	16	0	4	2,560,000	0	640,000	3,200,000
1377	371875	Bùi Trần Quốc	3718	MHP	15	0	0	0	0	0	0
1378	371876	Hồ Thị Thái Thụy	3718	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1379	371877	Nguyễn Hữu Tuấn	3718	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1380	371901	Hồ Thị Nga	3719	MHP	0	0	0	0	0	0	0
1381	371902	Vũ Thị Lan	3719	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1382	371903	Lò Diêu Thu	3719	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
1383	371904	Thiều Thị Minh Huyền	3719	BT	15	3	0	2,400,000	480,000	0	2,880,000
1384	371905	Nguyễn Thành Đạt	3719	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
1385	371906	Nông Thị Yến	3719	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
1386	371908	Nguyễn Thị Hồng	3719	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
1387	371910	Trần Thị Thu Hà	3719	MHP	20	0	0	0	0	0	0
1388	371911	Tô Thị Thu Thuý	3719	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1389	371913	Hà Thị Thông	3719	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1390	371914	Đinh Thị Thanh Nguyệt	3719	BT	17	3	0	2,720,000	480,000	0	3,200,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1391	371915	Nguyễn Thị Thu	3719	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1392	371916	Võ Thị Hoài	3719	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1393	371918	Cao Thị Thủy	3719	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1394	371919	Hoàng Thị ánh	3719	CT	19	0	0	0	0	0	0
1395	371921	Hoàng Thị Lanh	3719	BT	18	2	0	2,880,000	320,000	0	3,200,000
1396	371922	Nông Thị Thế	3719	CT	16	0	4	0	0	640,000	640,000
1397	371923	Nguyễn Thị Sáng	3719	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1398	371924	Lê Sỹ Anh	3719	MHP	14	0	0	0	0	0	0
1399	371925	Lê Mỹ Duyên	3719	BT	8	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
1400	371926	Đinh Trọng Hải	3719	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1401	371927	Hoàng Thiện Tiên	3719	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1402	371928	Đào Duy Hải	3719	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1403	371929	Nguyễn Thuỳ Lâm	3719	BT	14	6	0	2,240,000	960,000	0	3,200,000
1404	371930	Nguyễn Quỳnh Anh	3719	BT	6	0	0	960,000	0	0	960,000
1405	371931	Trần Thị Thu Trang	3719	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1406	371932	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	3719	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1407	371933	Nguyễn Văn Ngọc	3719	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1408	371934	Lương Thị Trung Anh	3719	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1409	371935	Tạ Thúy Hồng	3719	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1410	371936	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	3719	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
1411	371937	Phạm Thị Thu Huế	3719	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1412	371938	Phạm Thị Thảo	3719	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1413	371939	Phạm Vương Anh	3719	MHP	19	0	0	0	0	0	0
1414	371940	Cao Thanh Huyền	3719	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1415	371941	Vũ Ngọc Hà	3719	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1416	371942	Nông Hà Minh Anh	3719	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1417	371943	Nguyễn Thị Khánh Vân	3719	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1418	371944	Dương Thị Thu Hiền	3719	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1419	371945	Lý Thị Chuyển	3719	BT	17	3	0	2,720,000	480,000	0	3,200,000
1420	371947	Nguyễn Thị Tố Linh	3719	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1421	371948	Trần Hữu Duy	3719	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1422	371950	Giáp Thị Hoàng Anh	3719	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1423	371951	Đào Thùy Linh	3719	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1424	371952	Phạm Thị Hồng Nhung	3719	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1425	371953	Lê Thị Thu	3719	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1426	371954	Trần Thị Thu Hằng	3719	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1427	371955	Nguyễn Thị Châm	3719	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1428	371956	Lê Thị Hồng	3719	BT	12	0	7	1,920,000	0	1,120,000	3,040,000
1429	371957	Nguyễn Ngọc Ngà	3719	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1430	371958	Hoàng Thị Thuỳ Linh	3719	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1431	371959	Trần Thanh Trà	3719	BT	7	0	3	1,120,000	0	480,000	1,600,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1432	371960	Nguyễn Xuân	Hiếu	3719	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1433	371961	Chu Thị	Huyền	3719	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1434	371962	Vũ Thị Hoài	Thu	3719	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
1435	371963	Cao Thị	Lan	3719	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
1436	371964	Trần Văn	Luật	3719	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1437	371965	Khương Thị	Yến	3719	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1438	371966	Nguyễn Thị	Loan	3719	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1439	371967	Nguyễn Thị	Lan	3719	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1440	371968	Hà Thị	Phương	3719	BT	15	0	3	2,400,000	0	480,000	2,880,000
1441	371969	Nguyễn Thị	Tình	3719	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1442	371970	Tạ Thị Thu	Thảo	3719	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1443	371971	Lê Thị Vân	Anh	3719	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1444	371973	Nguyễn Hữu Tùng	Lâm	3719	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
1445	371974	Trần Tú	Anh	3719	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1446	371975	Nguyễn Đăng	Khoa	3719	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1447	371976	Phạm Thanh	Bình	3719	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1448	371977	Nguyễn Việt	Tiến	3719	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1449	371978	Đỗ Thanh	Bút	3719	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1450	372002	Lê Thị	Hào	3720	BT	11	0	4	1,760,000	0	640,000	2,400,000
1451	372003	Nguyễn Thị Mai	Huệ	3720	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1452	372004	Nguyễn Thùy	Dung	3720	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1453	372005	Vì Thị	Miền	3720	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1454	372006	Đào Ngọc	ánh	3720	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1455	372007	Nguyễn Thị Khánh	Ly	3720	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1456	372008	Lê Hạnh	Thảo	3720	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1457	372009	Doãn Thị	Nhung	3720	BT	15	2	0	2,400,000	320,000	0	2,720,000
1458	372010	Bùi Thị Ngọc	Hà	3720	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1459	372011	Vì Thị Vân	Anh	3720	MHP	20	0	0	0	0	0	0
1460	372012	Hoàng Anh	Thái	3720	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1461	372013	Nguyễn Thị	Hương	3720	BT	0	0	0	0	0	0	0
1462	372014	Doãn Khánh	Linh	3720	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1463	372015	Trịnh Thị	Như	3720	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1464	372016	Hoàng Thị Kim	Duyên	3720	CT	16	0	0	0	0	0	0
1465	372017	Vì Thị Linh	Chi	3720	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1466	372018	Lê Quỳnh	Mai	3720	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1467	372019	Trần Thị Thu	Thảo	3720	BT	0	0	0	0	0	0	0
1468	372020	Lý Thị	Diễm	3720	CT	16	0	0	0	0	0	0
1469	372021	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	3720	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1470	372022	Hà Văn	Thêm	3720	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1471	372023	Lường Văn	Dận	3720	MHP	14	0	0	0	0	0	0
1472	372024	Vũ Khánh	Nhung	3720	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1473	372025	Trịnh Thế Hùng		3720	BT	17	3	0	2,720,000	480,000	0	3,200,000
1474	372026	Trần Thị Kim Phụng		3720	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1475	372027	Nguyễn Thị Yên		3720	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1476	372028	Phạm Thị Mai Hương		3720	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1477	372029	Đặng Thị Phương Anh		3720	MHP	20	0	0	0	0	0	0
1478	372030	Lê Thị Thuý Hà		3720	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1479	372031	Trần Thị Phụng		3720	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
1480	372032	Đặng Thu Hà		3720	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1481	372033	Vũ Cao Tiến		3720	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1482	372034	Trần Thu Hà		3720	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1483	372035	Phạm Tiến Dũng		3720	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1484	372036	Đinh Thị Thuý Linh		3720	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
1485	372037	Lã Đức Dũng		3720	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
1486	372038	Ninh Thảo Ly		3720	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1487	372039	Bùi Thị Thắm		3720	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1488	372040	Hà Thị Quỳnh Anh		3720	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1489	372041	Nguyễn Thị Thuý		3720	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1490	372042	Hoàng Thị Cương		3720	BT	13	0	4	2,080,000	0	640,000	2,720,000
1491	372043	Giàng Thị Ninh		3720	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1492	372044	Nguyễn Bích Ngọc		3720	BT	15	0	5	2,400,000	0	800,000	3,200,000
1493	372046	Hà Thị Thu Hà		3720	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1494	372047	Phan Thị Minh Yên		3720	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1495	372048	Ma Huyền Trang		3720	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1496	372049	Trần Thị Vân Anh		3720	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1497	372050	Nguyễn Văn Sơn		3720	BT	22	0	0	3,520,000	0	0	3,520,000
1498	372051	Mai Hoàng Hải		3720	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1499	372052	Nguyễn Thị Thảo Trang		3720	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1500	372053	Bùi Đức Nhã		3720	BT	7	0	0	1,120,000	0	0	1,120,000
1501	372054	Lê Minh Tuấn Anh		3720	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1502	372055	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		3720	BT	17	5	0	2,720,000	800,000	0	3,520,000
1503	372056	Phạm Thị Thuý Linh		3720	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1504	372057	Đỗ Thị Nhung		3720	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1505	372058	Trần Văn Hoàng		3720	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1506	372059	Đỗ Thị Thu Thảo		3720	BT	11	0	2	1,760,000	0	320,000	2,080,000
1507	372061	Nguyễn Thị Trang		3720	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1508	372062	Nguyễn Thị Tuyết		3720	BT	21	0	0	3,360,000	0	0	3,360,000
1509	372063	Hoàng Thị Hà		3720	BT	0	0	0	0	0	0	0
1510	372064	Nguyễn Văn Quân		3720	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1511	372065	Nguyễn Thu Trang		3720	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1512	372066	Kiều Thị Lan Anh		3720	BT	17	3	0	2,720,000	480,000	0	3,200,000
1513	372068	Trần Thị Thuý Hiền		3720	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1514	372069	Vũ Hải	Duyên	3720	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1515	372070	Nguyễn Thị Phương	Anh	3720	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1516	372071	Bùi Thị Hồng	Ngọc	3720	BT	18	0	5	2,880,000	0	800,000	3,680,000
1517	372072	Trần Minh	Quân	3720	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1518	372073	Nguyễn Diệu	Linh	3720	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1519	372074	Phạm Thị Ngọc	Anh	3720	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
1520	372075	Tào Thị Liên	Châu	3720	BT	10	0	0	1,600,000	0	0	1,600,000
1521	372076	Lưu Ngọc	ánh	3720	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1522	372099	Vathsara	CHITAKON	3720	LAOHD	20	0	0	0	0	0	0
1523	372101	Bùi Thái	Bình	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1524	372102	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1525	372103	Lâm Thị	Dung	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1526	372104	Bùi Thị	Ly	3721	BT	18	3	0	2,880,000	480,000	0	3,360,000
1527	372105	Phùng Phương	Thảo	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1528	372106	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	3721	BT	18	3	0	2,880,000	480,000	0	3,360,000
1529	372107	Lê Thị	Hiền	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1530	372108	Đậu Lê	Dung	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1531	372109	Nguyễn Thị Hải	Ngọc	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1532	372110	Nguyễn Việt	Trình	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1533	372111	Phạm Quỳnh Hoa	Thúy	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1534	372112	Nguyễn Thị Hạnh	Ngân	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1535	372113	Bùi Thị Hải	ánh	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1536	372114	Vũ Thị Kiều	Oanh	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1537	372115	Nguyễn Thị Diệu	Linh	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1538	372116	Trần Anh	Ngọc	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1539	372117	Lương Hạnh	Trang	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1540	372118	Nghiêm Trà	My	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1541	372119	Tạ Thủy	Tiên	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1542	372120	Phạm Thị Thùy	Linh	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1543	372121	Nguyễn Việt	ánh	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1544	372122	Hoàng Lam	Trang	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1545	372123	Lê Thị Hoài	Thu	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1546	372124	Đoàn Diệu	Linh	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1547	372125	Nguyễn Thị	Liên	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1548	372126	Trần Đức	Anh	3721	BT	18	5	0	2,880,000	800,000	0	3,680,000
1549	372127	Trần Thị Việt	Trình	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1550	372128	Phan Thị Thùy	Vân	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1551	372129	Kim Thị	Tuyên	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1552	372130	Nguyễn Cẩm	Tú	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1553	372131	Nguyễn Minh	Thành	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1554	372132	Nguyễn Thị	Hân	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1555	372133	Dương Thị Hải	Anh	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1556	372134	Nguyễn Hải	Nam	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1557	372135	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1558	372136	Nguyễn Doãn Hoàng	Anh	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1559	372137	Phạm Khôi	Nguyễn	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1560	372138	Nguyễn Diệu	Hoa	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1561	372139	Đào Như Ngọc	Linh	3721	BT	3	14	0	480,000	2,240,000	0	2,720,000
1562	372140	Lê Thị	Thủy	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1563	372141	Nguyễn Quỳnh	Anh	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1564	372142	Nguyễn Thị Thủy	Dương	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1565	372143	Phạm Quang	Đạt	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1566	372144	Vũ Thị Minh	Thùy	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1567	372145	Đặng Thu	Thủy	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1568	372146	Nguyễn Anh	Thư	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1569	372148	Đặng Anh	Thư	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1570	372149	Lại Phú Việt	Anh	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1571	372150	Nguyễn Quốc	Anh	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1572	372151	Nguyễn Tuấn Ngọc	Lê	3721	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1573	372152	Vũ Hoàng	Dũng	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1574	372153	Nguyễn Hoàng Thu	Thảo	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1575	372154	Nguyễn Hồng	Phương	3721	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1576	372155	Nguyễn Huyền	Mi	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1577	372156	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1578	372157	Lê Thu	Thùy	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1579	372158	Nguyễn Vũ Trường	Giang	3721	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1580	372201	Phạm Thanh	Lan	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1581	372202	Nguyễn Thị Thu	Hoài	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1582	372203	Trần Ngọc	Thiện	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1583	372204	Nguyễn Thị	Lâm	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1584	372205	Nguyễn Trâm	Anh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1585	372206	Nguyễn Thị Linh	Anh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1586	372207	Lê Thị	Duyên	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1587	372208	Phùng Thị Thu	Hằng	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1588	372209	Trần Thị	Trà	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1589	372210	Trần Thị	Trà	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1590	372211	Hà Kiều	Anh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1591	372212	Nguyễn Diệu	Quỳnh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1592	372213	Trịnh Quang	Thành	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1593	372214	Nguyễn Thị	Phương	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1594	372215	Đặng Thùy	Anh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1595	372216	Nguyễn Thảo	Linh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1596	372217	Lê Ngọc	Quỳnh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1597	372218	Hoàng Thị Thu	Huyền	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1598	372219	Đặng Minh	Tân	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1599	372220	Nguyễn Mai	Phương	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1600	372221	Phạm Thị	Hòa	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1601	372222	Nguyễn Thị Giang	Linh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1602	372223	Nguyễn Thị	Yến	3722	BT	18	3	0	2,880,000	480,000	0	3,360,000
1603	372224	Nguyễn Thị	Thảo	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1604	372225	Nguyễn Thị Thanh	Nga	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1605	372226	Nguyễn Thị Vân	Anh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1606	372227	Lê Thị Ngọc	Bích	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1607	372228	Nguyễn Sinh	Lực	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1608	372229	Lê Thanh	Huyền	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1609	372230	Trần Thị Ngọc	Anh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1610	372231	Trần Thị	Thanh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1611	372232	Trịnh Thị	Mai	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1612	372233	Nguyễn Mỹ	Hạnh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1613	372235	Đinh Quý	Thành	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1614	372236	Trần Khánh	Huyền	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1615	372237	Phạm Thanh	Phương	3722	BT	18	3	0	2,880,000	480,000	0	3,360,000
1616	372238	Trần Thuý	Dương	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1617	372239	Mai Thuý	Hiền	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1618	372240	Nguyễn Ngọc	Anh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1619	372241	Huỳnh Lê Mỹ	Hạnh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1620	372242	Ngô Thuý	Linh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1621	372243	Đỗ Thị Kim	Oanh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1622	372244	Trần Hà	Anh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1623	372245	Trần Thanh	Huyền	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1624	372246	Nguyễn Khánh	Ly	3722	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1625	372247	Phạm Trọng	Khánh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1626	372248	Trịnh Kim	Hoa	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1627	372249	Duy Cẩm	Ly	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1628	372250	Lý Trần	Linh	3722	BT	18	3	0	2,880,000	480,000	0	3,360,000
1629	372251	Nguyễn Thu	Thủy	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1630	372252	Nguyễn Quỳnh	Trang	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1631	372253	Đỗ Thu	Trang	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1632	372254	Nguyễn Phương	Quỳnh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1633	372255	Nguyễn Thảo	Vy	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1634	372256	Nguyễn Hồng	Anh	3722	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1635	372257	Đàm Quỳnh	Hoa	3722	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1636	372301	Phạm Thị	Thuý	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1637	372302	Nguyễn Thị Hằng	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1638	372303	Trần Thị Hương Lan	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1639	372304	Đinh Thị Lan Hương	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1640	372305	Lương Thành Long	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1641	372306	Nguyễn Ngọc Quỳnh	3723	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1642	372307	Lôi Thu Hoài	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1643	372308	Nguyễn Diệu Thuý	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1644	372309	Nguyễn Thị Quyên	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1645	372310	Quàng Thị Sang	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1646	372311	Nguyễn Minh Quân	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1647	372312	Hoàng Mạnh Sơn	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1648	372313	Đoàn Phương Thảo	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1649	372314	Bùi Thị Hương	3723	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1650	372315	Trần Thúy Quỳnh	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1651	372316	Quách Thị Yên	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1652	372317	Nguyễn Thị Quỳnh	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1653	372318	Đỗ Thị Hoa	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1654	372319	Nguyễn Thị Kim Ngân	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1655	372320	Vũ Thị Thảo	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1656	372321	Dương Thị Kim Ngân	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1657	372322	Nguyễn Trúc Quỳnh	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1658	372323	Nguyễn Thị Hương	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1659	372324	Trần Quỳnh Trang	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1660	372325	Nguyễn Thanh Loan	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1661	372326	Mai Thị Hải Duyên	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1662	372327	Nguyễn Quang Hưng	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1663	372328	Đỗ Thị Hồng Nhung	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1664	372329	Nguyễn Thị Hồng Thương	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1665	372330	Lê Hưng Tứ	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1666	372331	Đỗ Hồng Ngọc	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1667	372332	Nguyễn Thuý Dương	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1668	372333	Phan Thị Hải Yên	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1669	372334	Ngô Hà Vinh	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1670	372335	Nguyễn Thị Trường Giang	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1671	372336	Nguyễn Thị Hương Giang	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1672	372337	Hoàng Bích Phương	3723	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1673	372338	Lê Thị Thu	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1674	372339	Phạm Thị Hằng	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1675	372340	Nguyễn Tuấn Anh	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1676	372341	Đỗ Thị Trinh	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1677	372342	Lê Thị Hà	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1678	372343	Nguyễn Thị Loan	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1679	372344	Nguyễn Thị Lan	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1680	372345	Đinh Hoàng Mai	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1681	372346	Trần Thị Thu Hà	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1682	372347	Nguyễn Thị Hà Trang	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1683	372348	Nguyễn Thị Thu Thảo	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1684	372349	Lê Thị Hồng Thúy	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1685	372350	Nguyễn Hồng Huệ	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1686	372352	Nguyễn Thị Thanh Xuân	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1687	372353	Vũ Thị Lan Anh	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1688	372354	Vũ Mai Hương	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1689	372355	Lê Thị Hoà	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1690	372356	Nguyễn Thị Hồng Nhung	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1691	372357	Trương Quang Anh	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1692	372358	Ngô Vũ Chung Anh	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1693	372359	Hồ Thị Thuỷ Linh	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1694	372360	Nguyễn Thị Thu Hà	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1695	372361	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1696	372362	Hoàng Minh Phương	3723	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1697	372363	Dương Thu Trang	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1698	372364	Lê Hoàng Sơn	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1699	372365	Đào Nguyễn Ngọc Tr Anh	3723	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1700	372401	Vũ Thị Huệ	3724	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1701	372402	Lê Thị Thu Trang	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1702	372403	Bùi Minh Trang	3724	BT	16	1	0	2,560,000	160,000	0	2,720,000
1703	372404	Phạm Thị Dung	3724	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1704	372405	Phan Việt Dũng	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1705	372406	Nguyễn Thị Phương Tuyết	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1706	372407	Vũ Thị Trang	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1707	372408	Nguyễn Thị Thu Hường	3724	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1708	372409	Mã Thị Phương Lan	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1709	372410	Nguyễn Thu Hiền	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1710	372411	Hà Thị Hiền	3724	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1711	372412	Trần Thu Trang	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1712	372413	Trịnh Huyền Trang	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1713	372414	Hoàng Thị Vân	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1714	372415	Phan Thị Như Quỳnh	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1715	372416	Phạm Thanh Huyền	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1716	372417	Đặng Thảo Huyền	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1717	372418	Nguyễn Thị Thanh	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1718	372419	Quản Đình Tùng	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1719	372420	Lê Thị Thạch	Thảo	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1720	372421	Đoàn Minh	Tú	3724	BT	16	0	4	2,560,000	0	640,000	3,200,000
1721	372422	Nguyễn Quỳnh	Mai	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1722	372423	Trần Quang	Anh	3724	BT	20	0	4	3,200,000	0	640,000	3,840,000
1723	372425	Phạm Thị	Ngoan	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1724	372426	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1725	372427	Nguyễn Thị	Hải	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1726	372428	Vũ Thị Thu	Hằng	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1727	372429	Phạm Quốc	Dũng	3724	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1728	372430	Nguyễn Thị	Hằng	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1729	372431	Trương Thị Hương	Ly	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1730	372432	Trần Ngọc	Hà	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1731	372433	Trương Phương	Anh	3724	BT	16	0	4	2,560,000	0	640,000	3,200,000
1732	372434	Nguyễn Mai	Anh	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1733	372435	Nguyễn Ngọc	ánh	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1734	372436	Trần Thị Việt	Nga	3724	BT	3	0	0	480,000	0	0	480,000
1735	372437	Vũ Thị	Hiên	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1736	372438	Nguyễn Đức	Minh	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1737	372439	Nguyễn Hà Nhật	Chi	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1738	372440	Nguyễn Thị Thanh	Hương	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1739	372441	Nguyễn Thị	Huệ	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1740	372442	Vũ Thị Kiều	Oanh	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1741	372443	Nguyễn Thị	Ngà	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1742	372444	Vũ Thị	Huyền	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1743	372445	Nguyễn Thị	Cách	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1744	372446	Phạm Thị Thanh	Như	3724	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1745	372447	Lê Thị	Tuyển	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1746	372448	Ngô Thị Tú	Anh	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1747	372449	Phạm Thị Ngọc	Hoa	3724	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1748	372450	Đào Thị Cẩm	Hằng	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1749	372451	Phan Thị Thu	Hương	3724	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1750	372452	Vũ Thị	Vui	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1751	372453	Nguyễn Thị	Tuyển	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1752	372454	Trần Thị	Cúc	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1753	372456	Phạm Thuý	Anh	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1754	372457	Đỗ Mạnh	Cường	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1755	372458	Nguyễn Hồng	Anh	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1756	372459	Vương Anh	Tú	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1757	372460	Chu Diệu	Linh	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1758	372461	Trần Mạnh	Hồng	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1759	372462	Nguyễn Thuý	Ngân	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1760	372463	Nguyễn Quỳnh	Hoa	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1761	372464	Phạm Thu	Trang	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1762	372465	Nguyễn Quang	Phong	3724	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1763	372466	Nguyễn Thanh	Phương	3724	BT	16	1	0	2,560,000	160,000	0	2,720,000
1764	372501	Vũ Thị Hoài	Thu	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1765	372502	Hoàng Thị	Tâm	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1766	372503	Hà Hải Yến	Nhung	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1767	372504	Lương Thanh	Phương	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1768	372506	Phạm Thu	Trang	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1769	372507	Nguyễn Bảo	Thoa	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1770	372508	Hoàng Mạnh	Dũng	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1771	372509	Trần Thị	Thu	3725	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1772	372510	Hà Thị	Liễu	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1773	372511	Đàm Xuân	Cửu	3725	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1774	372512	Lê Đình Hải	Nam	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1775	372513	Nguyễn Thị Mai	Sen	3725	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1776	372514	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1777	372515	Đỗ Thị Thanh	Tịnh	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1778	372516	Hoàng Thị	Hồng	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1779	372517	Lê Thị	Hương	3725	BT	3	0	0	480,000	0	0	480,000
1780	372518	Phan Thị Thanh	Thủy	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1781	372519	Lương Thùy	Linh	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1782	372520	Nguyễn Thị	Huyền	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1783	372521	Bùi Thị	Phượng	3725	MHP	16	2	0	0	320,000	0	320,000
1784	372522	Nguyễn Phương	Chinh	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1785	372523	Đặng Đình	Ngọc	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1786	372524	Trần Thị	Thủy	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1787	372525	Vũ Thị Hồng	Nhung	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1788	372526	Đặng Thị Cẩm	Tú	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1789	372527	Nguyễn Diệu	Linh	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1790	372528	Nguyễn Phương	Thảo	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1791	372529	Hoàng Thuỳ	Linh	3725	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1792	372530	Nguyễn Ngọc	Lân	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1793	372531	Hoàng Thị Hải	Yến	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1794	372532	Đặng Thị	Quang	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1795	372533	Hồ Thị Ngọc	Anh	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1796	372534	Nguyễn Thảo	Ly	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1797	372535	Bùi Thị Bảo	Anh	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1798	372536	Phan Linh	Trang	3725	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
1799	372537	Vũ Văn	Tuân	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1800	372538	Ngô Thị	Hằng	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1801	372539	Hoàng Thu	Trang	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1802	372540	Đào Ngọc	Bích	3725	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1803	372541	Tạ Xuân	Phong	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1804	372542	Nguyễn Văn	Quyền	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1805	372543	Trần Thị	Hằng	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1806	372544	Nguyễn Thị	Quỳnh	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1807	372545	Nguyễn Đức	Anh	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1808	372546	Nguyễn Thanh	Hương	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1809	372547	Phí Công	Minh	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1810	372548	Nguyễn Thị	Nương	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1811	372549	Trần Thị	Minh	3725	BT	16	0	2	2,560,000	0	320,000	2,880,000
1812	372550	Nguyễn Thị Hà	Trang	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1813	372552	Nguyễn Thị	Hạnh	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1814	372553	Nguyễn Nhật	Linh	3725	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1815	372554	Triệu Anh	Trà	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1816	372555	Nguyễn Hoàng Thu	Hà	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1817	372556	Nguyễn Thùy	Dương	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1818	372557	Nguyễn Thị	Thanh	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1819	372558	Nguyễn Xuân	Phương	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1820	372560	Nguyễn Hồng	Lê	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1821	372561	Nguyễn Phương	Thảo	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1822	372562	Nguyễn Hải	Yến	3725	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1823	372563	Vũ Hải	Yến	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1824	372564	Nguyễn Anh	Hiếu	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1825	372565	Tạ Thị	Nga	3725	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1826	372601	Nguyễn Thanh	Tùng	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1827	372602	Hoàng Thị Hoài	Xoan	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1828	372603	Đào Duy	Khánh	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1829	372604	Lý Thị Phương	Lan	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1830	372605	Dương Sơn	Tiến	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1831	372606	Cù Minh	Ngọc	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1832	372607	Hoàng Thị	Hương	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1833	372608	Bùi Thị Hồng	Nguyễn	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1834	372609	Hoàng Thị Minh	Phượng	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1835	372610	Nguyễn Thị	Nhung	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1836	372611	Tổng Sơn	Tuân	3726	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1837	372612	Lê Thị Ngọc	Anh	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1838	372613	Nguyễn Thị Linh	Trang	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1839	372614	Nguyễn Thị	Bình	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1840	372615	Nguyễn Thị	Hòa	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1841	372616	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	3726	MHP	16	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1842	372617	Nguyễn Thị Thành	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1843	372618	Trịnh Thị Thảo	3726	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1844	372619	Nguyễn Thị Lan	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1845	372620	Nguyễn Đức	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1846	372621	Mai Diệp	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1847	372622	Bùi Thị Ngọc	3726	BT	16	0	4	2,560,000	0	640,000	3,200,000
1848	372623	Phạm Thị Huyền	3726	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
1849	372624	Lương Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1850	372625	Trịnh Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1851	372626	Nguyễn Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1852	372627	Cao Thuỳ	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1853	372628	Nguyễn Minh	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1854	372629	Đặng Thị Việt	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1855	372630	Lê Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1856	372631	Bùi Hà	3726	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1857	372632	Lê Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1858	372633	Nguyễn Khánh	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1859	372634	Nguyễn Thị Phương	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1860	372635	Nguyễn Thị Thuỳ	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1861	372636	Vũ Thị Linh	3726	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
1862	372637	Hoàng Thị Thuỳ	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1863	372638	Nguyễn Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1864	372639	Tạ Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1865	372640	Dương Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1866	372641	Lê Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1867	372642	Nguyễn Thị Thùy	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1868	372643	Lê Ngọc	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1869	372644	Tổng Thị Phương	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1870	372645	Nguyễn Thị	3726	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1871	372646	Trần Thảo	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1872	372647	Vũ Thị Thuỳ	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1873	372648	Nguyễn Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1874	372649	Tường Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1875	372650	Nguyễn Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1876	372651	Nguyễn Thị	3726	BT	5	0	0	800,000	0	0	800,000
1877	372652	Phạm Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1878	372653	Mai Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1879	372654	Hoàng Thị Thu	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1880	372655	Lê Thị	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1881	372656	Hoàng Thu	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1882	372657	Nguyễn Trung	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1883	372658	Mai Thanh	Phương	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1884	372659	Trần Thị Nguyệt	ánh	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1885	372660	Nguyễn Thu	Trang	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1886	372661	Vũ Hồng	Hải	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1887	372662	Đình Anh	Tuấn	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1888	372663	Nguyễn Hoàng	Anh	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1889	372664	Phạm Thảo	Nguyên	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1890	372665	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	3726	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1891	372701	Nguyễn Thị Bích	Nguyên	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1892	372702	Hoàng Hữu	Khuê	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1893	372703	Trần Thị Vân	Anh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1894	372704	Đặng Thị	Dịu	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1895	372706	Dương Hồng	Hải	3727	BT	17	5	0	2,720,000	800,000	0	3,520,000
1896	372707	Mai Thủy	Liễu	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1897	372708	Hoàng Thị Thùy	Dương	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1898	372709	Nguyễn Mai	Linh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1899	372710	Mai Thị Vân	Anh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1900	372711	Hà Vĩnh	Đức	3727	MHP	17	0	0	0	0	0	0
1901	372712	Hoàng Thế	Ngọc	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1902	372713	Nguyễn Hải	Quỳnh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1903	372714	Vũ Mai	Quỳnh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1904	372715	Lê Thị	Ly	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1905	372716	Triệu Thị	Hiền	3727	MHP	17	0	0	0	0	0	0
1906	372717	Lê Thị Hà	Giang	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1907	372718	Ngô Ngọc Đình	Đình	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1908	372719	Mai Thùy	Linh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1909	372720	Hoàng Thị	Nga	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1910	372721	Nguyễn Quỳnh	Phương	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1911	372722	Đình Thị Kim	Liên	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1912	372723	Nguyễn Hữu	Quý	3727	GHP	17	0	0	1,360,000	0	0	1,360,000
1913	372724	Đỗ Việt	Cường	3727	BT	17	4	0	2,720,000	640,000	0	3,360,000
1914	372725	Nguyễn Trọng	Nghĩa	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1915	372726	Trần Thị	Dịu	3727	MHP	17	0	0	0	0	0	0
1916	372727	Nguyễn Vũ Thu	Huyền	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1917	372728	Trịnh Thị	Liên	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1918	372729	Phạm Thị Vân	Anh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1919	372730	Trần Thảo	Uyên	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1920	372731	Nguyễn Thị	Nhung	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1921	372732	Quách Thị	Mai	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1922	372733	Nguyễn Tiến	Kiên	3727	BT	17	9	0	2,720,000	1,440,000	0	4,160,000
1923	372734	Nguyễn Minh	Hà	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1924	372735	Trịnh Thị Việt	Kiều	3727	MHP	17	0	4	0	0	640,000	640,000
1925	372736	Nguyễn Quỳnh	Nga	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1926	372737	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1927	372738	Phạm Thuý	Linh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1928	372739	Đặng Bích	Ngọc	3727	BT	6	0	0	960,000	0	0	960,000
1929	372740	Nguyễn Thị Mai	Phương	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1930	372741	Đào Thị	Duyên	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1931	372742	Hồ Thị Hồng	Hạnh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1932	372743	Nguyễn Thị	Dung	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1933	372744	Ngô Văn	Minh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1934	372745	Trần Thị Thu	Hà	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1935	372746	Lê Thị Khánh	Huyền	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1936	372747	Đỗ Thị Ngọc	ánh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1937	372748	Lưu Thị Ngọc	Lan	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1938	372749	Trần Thị	Tiếp	3727	BT	4	0	0	640,000	0	0	640,000
1939	372750	Hoàng Thị	Duyên	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1940	372751	Trần Thị	Linh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1941	372752	Lê Thị	Thuý	3727	MHP	17	0	0	0	0	0	0
1942	372753	Lê Thuý	Tiên	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1943	372754	Quế Bảo	Trung	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1944	372755	Hoàng Mạnh	Cường	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1945	372758	Đặng Vũ Thuý	Linh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1946	372760	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1947	372761	Phan Thị	Huyền	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1948	372763	Thắng Quang	Ngọc	3727	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1949	372764	Bùi Văn	Dũng	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1950	372765	Đặng Ngọc Trần	Phương	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1951	372766	Văn Thùy	Linh	3727	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1952	372801	Nguyễn Thị Tổ	Uyên	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1953	372802	Hà Thị	Thuý	3728	MHP	17	0	0	0	0	0	0
1954	372803	Ngô Thị	Bắc	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1955	372804	Trương Thị	Vàng	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1956	372805	Lương Thị	Mai	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1957	372806	Nguyễn Thị	Hương	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1958	372807	Nguyễn Thị Nhật	Tân	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1959	372808	Hà Thị	Thủy	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1960	372809	Nguyễn Phương	Thảo	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1961	372810	Vũ Vương	Tuân	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1962	372811	Ngô Thị Ngọc	Anh	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1963	372812	Nguyễn Thị	Hoài	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1964	372813	Hoàng Trung	Hiếu	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1965	372814	Mai Thị Thanh	Lan	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1966	372815	Hà Thu	Phương	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1967	372816	Hoàng Vương	Yến	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1968	372817	Trần Thị	Trang	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1969	372818	Trần Thị Vân	Anh	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1970	372819	Phan Thị Ngọc	Anh	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1971	372820	Lục Thị	Liều	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1972	372821	Lê Lệnh	Tú	3728	GHP	17	0	0	1,360,000	0	0	1,360,000
1973	372822	Nguyễn Thị Thu	Hường	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1974	372823	Nguyễn Thị Minh	Phương	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1975	372824	Lê Phương	Dung	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1976	372825	Nguyễn Thị Hiền	Anh	3728	BT	5	0	0	800,000	0	0	800,000
1977	372826	Phạm Văn	Son	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1978	372827	Vũ Thị	Minh	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1979	372828	Trần Thị Ngọc	ánh	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1980	372829	Vũ Thị Mỹ	Duyên	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1981	372830	Lê Trang	Nhung	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1982	372831	Lộc Diệu	Linh	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1983	372832	Tổng Linh	Phương	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1984	372833	Phạm Thu	Hương	3728	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1985	372834	Nguyễn Chiến	Thắng	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1986	372835	Hoàng Thị Hương	Giang	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1987	372836	Ngô Gia	Thế	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1988	372837	Trần Thị Thuý	Linh	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1989	372838	Lê Bá	Tuấn	3728	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1990	372839	Lê Vương Hồng	Lam	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1991	372840	Hồ Đăng	Tường	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1992	372841	Nguyễn Thị	Hiền	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1993	372842	Bùi Thị	Trang	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1994	372843	Phan Thị	Ninh	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1995	372844	Đỗ Văn	Đông	3728	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1996	372845	Tô Thị Thanh	Hằng	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1997	372846	Văn Thị Quỳnh	Anh	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1998	372847	Nguyễn Huy	Phương	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1999	372848	Nguyễn Thị	Minh	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2000	372849	Mai Thị	Thuý	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2001	372850	Vũ Văn	Bình	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2002	372851	Trương Thị	Thuý	3728	MHP	17	0	0	0	0	0	0
2003	372852	Hoàng Thị	Trang	3728	MHP	17	0	0	0	0	0	0
2004	372853	Đoàn Thị Bích	Phượng	3728	GHP	17	0	0	1,360,000	0	0	1,360,000
2005	372854	Lương Đình	Chinh	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2006	372855	Lê Hồng Yến	Linh	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2007	372856	Lục Tùng	Phong	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2008	372857	Nguyễn Phương	Linh	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2009	372858	Hoàng Diệu	My	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2010	372860	Nguyễn Thị Phương	Thảo	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2011	372861	Nguyễn Thị Hồng	Vân	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2012	372862	Nguyễn Vũ	Đức	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2013	372863	Phạm Mạnh	Hùng	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2014	372864	Lê Thị Thuỳ	Dương	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2015	372865	Nguyễn Thị	Thu	3728	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
						34,055	439	259	4,829,890,000	70,240,000	41,440,000	4,941,570,000